

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2018



HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



Số 22 Đường  
Lý Tự Trọng,  
Phường Bến  
Nghé, Quận 1,  
Tp. HCM



Telephone:  
(028) 3829 6620  
Fax:  
(028) 3824 3166



Website:  
[www.sochemvn.com](http://www.sochemvn.com)

[www.sochemvn.com](http://www.sochemvn.com)



# VỀ CHÚNG TÔI

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam, trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam theo Quyết định số 243/QĐ-HCVN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 00301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/09/2003, cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 05/02/2016.



## MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	II
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	III
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	IV
V	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VI	QUẢN TRỊ CÔNG TY
VII	BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

### CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Tên giao dịch:	SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	SBCC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/09/2003, cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 05/02/2016.
Vốn điều lệ:	442.000.000.000 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018:	842.416.652.110 VND
Địa chỉ:	Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
Số điện thoại:	(028) 3829 6620
Số fax:	(028) 3824 3166
Website:	<a href="http://www.sochemvn.com">www.sochemvn.com</a>
Email:	<a href="mailto:sbcc@sochemvn.com">sbcc@sochemvn.com</a>
Mã cổ phiếu:	CSV

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## 1976 - 1985

Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hóa Chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa Chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa Chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa Chất Thủ Đức.

## 1986 - 1996

Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CNNg/TC về việc thành lập lại Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

## 2006 - 2013

Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012

## 2014 - nay

Từ sau cổ phần hoá Công ty bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Đây là thời gian Công ty nhanh chóng đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị mới, mở rộng nhà máy... nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo khi kinh tế đất nước hội nhập sâu rộng, phát huy hết công suất đáp ứng nhu cầu thị trường

## NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng cải tiến tư duy và công nghệ, nâng cao dịch vụ để luôn phát triển và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, hướng tới môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn và chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các sản phẩm hóa chất vô cơ cơ bản của công ty luôn có chất lượng cao, giá cả phù hợp và thân thiện với môi trường, được khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó, công ty còn được các cấp chính quyền ghi nhận những đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước với nhiều bằng khen và huân chương cao quý.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

- Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực-trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.
- Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp
- Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực-trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở)
- Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)
- Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng: vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
- Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tạt thành phố Hồ Chí Minh)
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh)
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại, sửa chữa và bảo dưỡng đường ống, sửa chữa hàng cơ động
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan; sửa chữa van, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe
- Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt, sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi, sửa chữa và bảo dưỡng các rơ le và bộ điều khiển công nghiệp; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị điện chiếu sáng; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất)
- Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác;



## CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY

Đơn vị	Khu vực
Xút (NaOH)	Lọc nước, giấy và bột giấy, dệt nhuộm, xà phòng
Sulfuric Acid (H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> )	Ắc quy và pin, phân bón, Aluminum Aulfate (Phèn)
Hydrochloric Acid (HCl)	Sản xuất mì chính, tẩy mạ thép
Phosphoric Acid (H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub> )	Phân bón
P.A.C	Xử lý nước



## ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

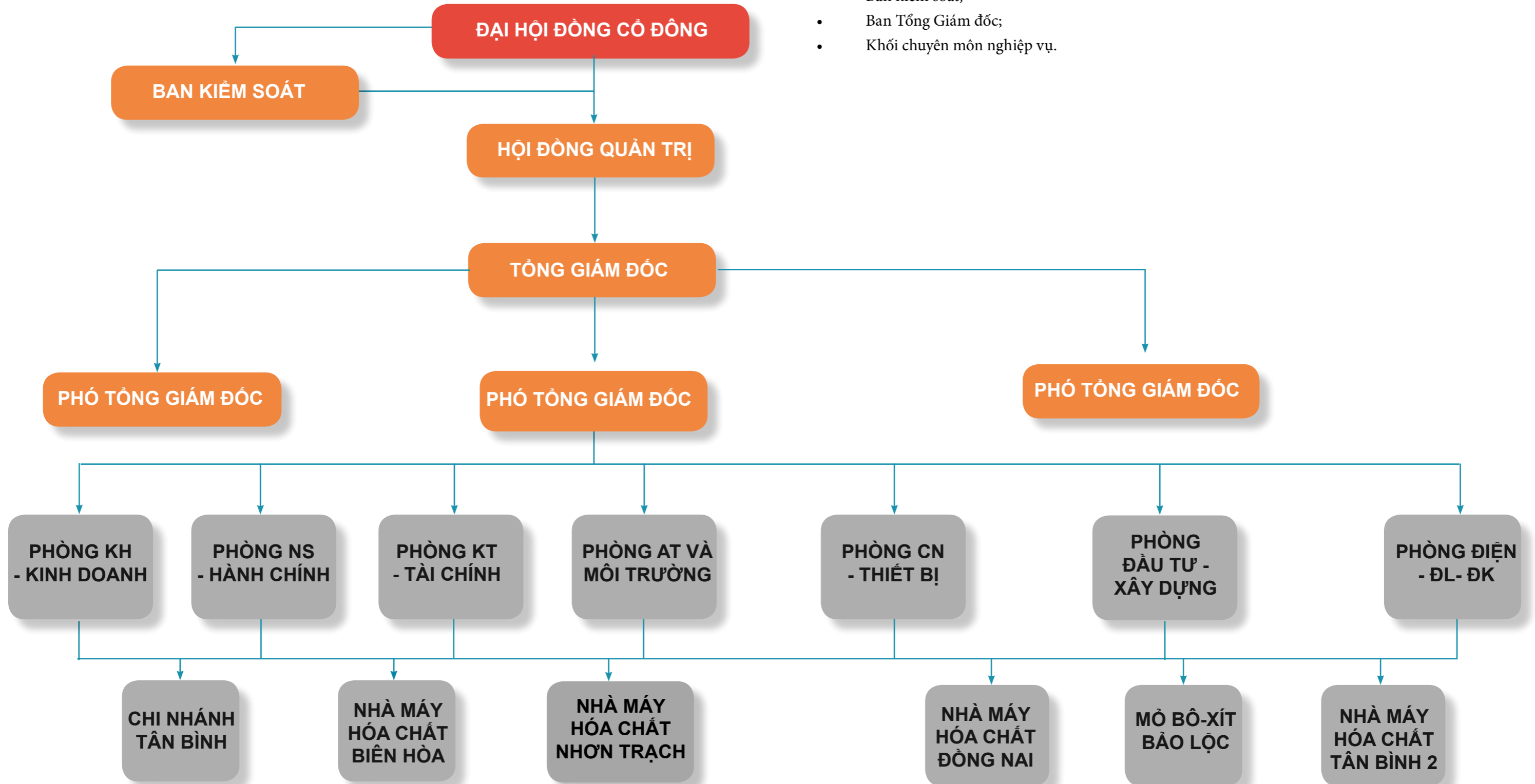
Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh. Hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC (TT)

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Khối chuyên môn nghiệp vụ.

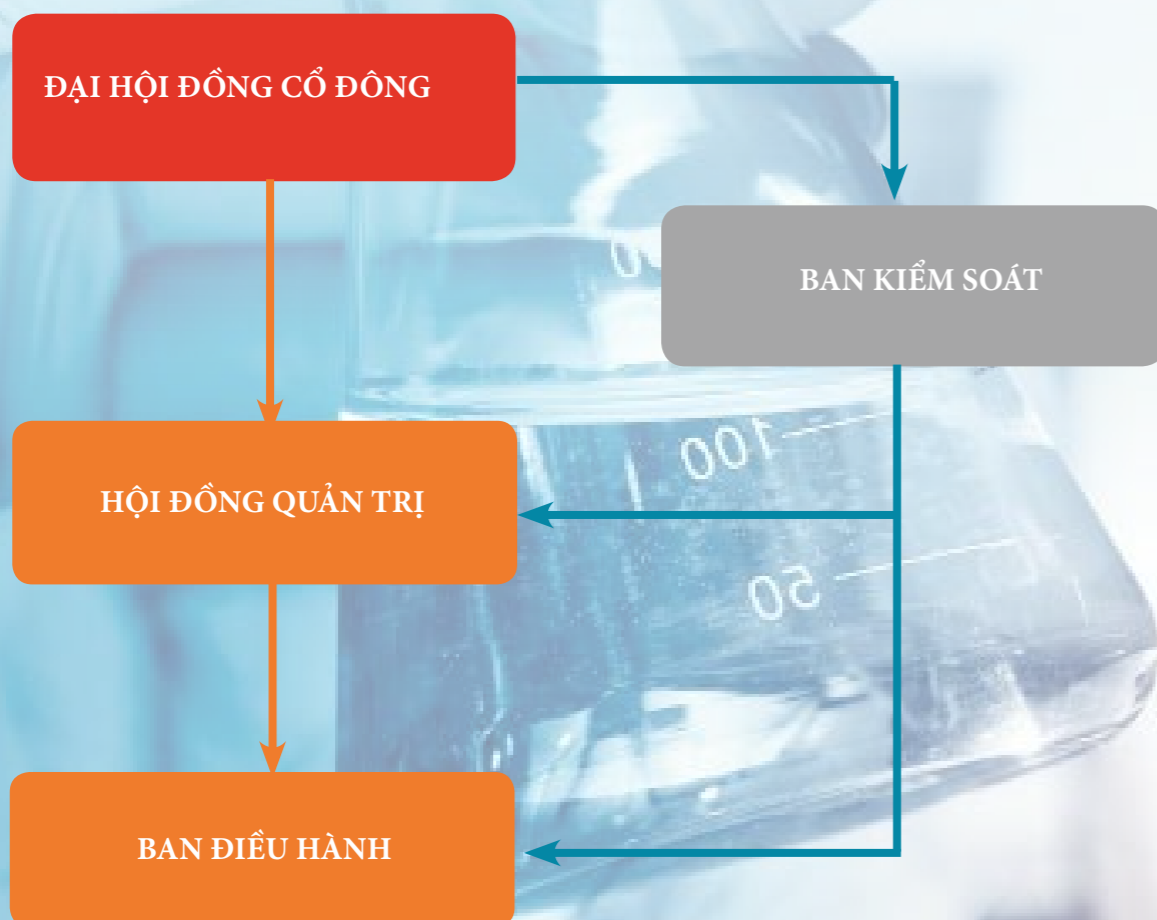


# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC (TT)

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### 01

#### Công ty con

Tên công ty con	:	Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam
Địa chỉ	:	KCN Công nghiệp Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
Điện thoại	:	(020) 3863488 – 3863161
Giá gốc	:	41.807.143.278 đồng
Tỷ lệ góp vốn	:	65,05%
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	:	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng

### 02

#### Các đơn vị trực thuộc

Đơn vị	:	Khu vực
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	:	Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	:	Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	:	Đồng Nai
Chi nhánh Tân Bình	:	Tp.Hồ Chí Minh
Mỏ Bauxit Bảo Lộc	:	Lâm Đồng
Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	:	Đồng Nai



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, vững chắc;
- Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho Công ty;
- Huy động vốn của các cá nhân, tổ chức để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp;
- Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
- Từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược trung và dài hạn của Công ty tập trung vào 2 chiến lược chính:

- Chiến lược thị trường: Khai thác thị trường theo chiều rộng và chiều sâu. Cụ thể:
  - Phát triển mạng lưới địa lý, mạng lưới phân phối đối với những sản phẩm hiện có;
  - Phát triển thêm khách hàng ở thị phần hiện tại.
- Chiến lược sản phẩm: Tập trung nghiên cứu phát triển, đưa ra nhiều sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tạo sự khác biệt thông qua năng lực cốt lõi: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO về môi trường.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TT)

## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

### Đối với vấn đề CBCNV, NLĐ

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng, đặc biệt là những tổ chức kinh doanh có ngành nghề đặc thù như Công ty. Trong suốt chặng đường 40 năm qua, Công ty luôn chú trọng khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào vui chơi, văn nghệ giải trí góp phần tạo mối liên kết bền chặt giữa các nhân viên với nhau



### Đối với khách hàng và đối tác

Phương châm trong quan hệ giữa CSV với khách hàng và đối tác là tôn trọng cùng hợp tác. Tinh thần tôn trọng thể hiện qua việc mang đến cho khách hàng và đối tác những sản phẩm chất lượng; Hòa hòa được công dụng của sản phẩm với sự an toàn khi sử dụng của khách hàng và đối tác.

### Đối với môi trường

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất. Công ty không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, giảm thiểu các chất thải phát sinh, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại và chất lượng nước thải ra môi trường, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty còn tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV, NLĐ trong Công ty như: tổ chức hoạt động trồng cây, nhặt rác và tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, huấn luyện an toàn sử dụng hóa chất trong sản xuất.



### Đối với xã hội, cộng đồng

Xã hội và cộng đồng ổn định là nền tảng sự phát triển bền vững của mọi tổ chức trong nền kinh tế. Hiểu được điều đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, NLĐ luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động thiện nguyện. Công ty nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường

### Đối với cổ đông

Tối đa hóa lợi ích cổ đông luôn là tôn chỉ hoạt động của Công ty. Theo đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn thực hiện chi trả cổ tức nếu kết quả kinh doanh năm có lãi, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán



# RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ

Phân ngành Hóa chất cơ bản trong ngành công nghiệp hóa chất đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Theo đó, biến động vĩ mô sẽ có tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### *Rủi ro lãi suất*

Những tháng đầu năm 2018, lãi suất cho vay không có nhiều biến động. Bắt đầu từ quý III lãi suất cho vay có xu hướng tăng mạnh và kéo dài đà tăng trưởng sang các tháng còn lại của năm 2018. Ngân hàng nhà nước Việt Nam dự báo lãi suất năm 2019 sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng.

Công ty chủ yếu sử dụng nợ vay ngắn hạn để tạo đòn bẩy nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ trọng tổng nợ vay trong tổng nguồn vốn của Công ty đang có xu hướng giảm dần trong 04 năm trở lại đây, duy trì lần lượt ở các mức 20,79% (năm 2015), 15,55% (năm 2016), 11,46% (năm 2017) và 8,62% (năm 2018). Xu hướng giảm dần nợ vay cùng với chính sách bình ổn thị trường vĩ mô của Chính phủ nên biến động lãi suất ngắn hạn ảnh hưởng không nhiều đến chi phí lãi vay của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện tại Công ty đang mở rộng công suất và di dời các nhà máy nên sẽ cần nguồn vốn dài hạn huy động từ các tổ chức tài chính. Với những dự báo gia tăng lãi suất từ Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì Công ty sẽ đưa ra những phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp với nhu cầu vay thực tế và diễn biến chung của thị trường lãi suất.

### *Rủi ro tỷ giá*

Một trong những điểm yếu lớn nhất của ngành hóa chất Việt Nam là khả năng cung ứng nguyên liệu đầu vào còn yếu, do vậy, phần lớn nguyên liệu đầu vào cho ngành hóa chất đều phải nhập khẩu nên bị ảnh hưởng rất lớn từ biến động tỷ giá.

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia cho rằng, áp lực tăng tỷ giá USD/VND năm 2019 có thể không quá lớn. Tuy nhiên với diễn biến khó lường của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thì diễn biến tỷ giá sẽ còn nhiều biến động.

Công ty nhập khẩu toàn bộ Lưu huỳnh,  $BaCl_2 \cdot 2H_2O$  và Muối công nghiệp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là những nguyên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất Xút - Clo và Acid Sulfuric ( $H_2SO_4$ ) - sản phẩm chính của Công ty. Theo đó, tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm. Để đối phó với những diễn biến phức tạp của thị trường, Công ty có chính sách dự trữ nguồn nguyên liệu ít nhất 3 tháng và lưu trữ tại các nhà máy, đơn vị trực thuộc

## RỦI RO KHÁC

Bất cứ doanh nghiệp nào trong thị trường cũng chịu sự chi phối của Pháp luật Việt Nam, điển hình như Luật Doanh nghiệp. Bên cạnh đó Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nên Công ty cũng phải chịu sự quản lý của Luật Chứng khoán, quy định tại Sở và cơ quan ban ngành có liên quan. Hơn thế nữa Công ty đang hoạt động trong ngành hóa chất nên còn phải chịu sự chi phối lớn từ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan khác. Bất cứ một thay đổi nào trong các quy định trên đều sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty



# RỦI RO (TT)

## RỦI RO NGÀNH

### Rủi ro công nghệ sản xuất

Hệ thống máy móc kỹ thuật của ngành hóa chất phần lớn chỉ ở mức độ trung bình khá so với một số nước trong khu vực nên năng suất của ngành chưa cao và giá trị gia tăng còn thấp.

Để khắc phục được điểm yếu này hàng năm Công ty luôn dành một khoản chi vào đầu tư vào nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất.

### Rủi ro năng lượng

Đối với Công ty, giá vốn hàng bán không chỉ phụ thuộc vào giá nguyên vật liệu mà còn phụ thuộc vào giá điện vì phần lớn các sản phẩm hóa chất chính của Công ty dựa trên công nghệ điện phân, lò điện. Trong dài hạn, Công ty đối mặt với rủi ro giá điện tăng cao do kế hoạch tăng giá điện theo từng lộ trình của Chính phủ.

Giá năng lượng tăng làm chi phí giá vốn Công ty tăng. Để hạn chế một phần tác động làm giảm lợi nhuận Công ty thực hiện chính sách: Thực hành tiết kiệm điện năng tiêu thụ và duy trì quan hệ khăng khít với khách hàng để có thể điều chỉnh giá sản phẩm một phần để bù đắp cho việc chi phí tăng.

### Rủi ro tiêu thụ

Sản phẩm của Công ty mặc dù là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành sản xuất như: thực phẩm, phân bón, giặt tẩy, xử lý nước... nhưng Công ty phải chịu sự cạnh tranh rất lớn từ sản phẩm cùng loại của các công ty sản xuất trong nước và Trung Quốc. Ngoài ra, các công ty trong ngành giấy và may mặc (02 ngành sử dụng hóa chất lớn nhất) cũng đang bắt đầu đầu tư sản xuất để tự cung cấp nhu cầu hóa chất. Cạnh tranh cùng với xu hướng khép kín chuỗi giá trị ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Để giữ sản lượng tiêu thụ, Công ty luôn nỗ lực duy trì quan hệ bạn hàng lâu năm với khách hàng, cung ứng ra thị trường những sản phẩm chất lượng với giá thành hợp lý.

### Rủi ro mở rộng quy mô sản xuất

Đặc thù ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nên các địa phương hầu như hoàn toàn không chấp nhận cấp phép đầu tư mở rộng và đầu tư mới. Trong giai đoạn hiện nay, Công ty đang tiến hành di dời 3 nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 nên việc tìm kiếm được vị trí hợp lý để di dời là điều hết sức khó khăn. Tuy nhiên năm 2018, Công ty bằng nỗ lực đã tìm và ký kết được hợp đồng thuê đất tại KCN Nhơn Trạch 6 là địa điểm để di dời.

### Rủi ro môi trường

Ngành công nghiệp hóa chất là ngành có nhiều rủi ro đặc thù, đặc biệt là rủi ro về ô nhiễm môi trường. Do vậy, các chính sách, quy định quản lý của nhà nước đối với ngành cũng chặt chẽ hơn.

Công ty rất quan tâm về vấn đề bảo vệ môi trường. Trong năm 2018, Công ty đưa ra dự án mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 để theo dõi lượng khí thải ra môi trường và có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý





PHẦN II  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM

---

---

# TÌNH HÌNH

## HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018 là năm trong giai đoạn 2018 – 2020 thực hiện di dời 3 Nhà máy trong Khu công nghiệp Biên Hòa 1 sang Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể là:

- Nhà máy Hóa chất Biên Hòa;
- Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2;
- Nhà máy Hóa chất Đồng Nai.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Tăng/Giảm 2018
1	Doanh thu thuần	1.465.857	1.588.027	8,33%
2	Lợi nhuận gộp	415.972	423.496	1,81%
3	Lợi nhuận hoạt động tài chính	19.936	21.120	5,93%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	310.522	308.132	(0,78%)
5	Lợi nhuận khác	(2.272)	10.405	-
6	Lợi nhuận trước thuế	308.250	318.538	3,34%
7	Lợi nhuận sau thuế	245.793	254.255	3,44%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.971	5.245	5,51%

Trong bối cảnh cơ sở vật chất đang trong kế hoạch di dời, Công ty vẫn có thể đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận khả quan cho thấy quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể CB – CNV của Công ty. Cụ thể, kết quả kinh doanh trong năm của Công ty:

**Doanh thu thuần** tăng 8,33% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu từ tăng giá bán do áp lực tăng giá nguyên vật liệu. Cụ thể:

- **Sản phẩm Xút:** Năm 2018, sản lượng xút (quy về 100% NaOH) tương đương năm 2017, nhưng do giá bán bình quân tăng 25%, làm cho kết quả doanh thu từ xút đạt 369 tỷ đồng, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2017.
- **Sản phẩm Axit Sunfuric:** Sản lượng Axit Sunfuric tăng 6.539 tấn. Theo đó, doanh thu từ Axit Sunfuric đạt 127 tỷ đồng, tăng 13,39%.
- **Sản phẩm Axit Clohydric:** Giá HCl giảm 14% và sản lượng giảm 3% nên doanh thu chỉ đạt 106 tỷ đồng, giảm 16,2%.
- **Sản phẩm khác:** các sản phẩm khác đạt 98.090 tấn, tương ứng với mức doanh thu 380 tỷ đồng, tăng 8,88% so với cùng kỳ năm 2017.

**Lợi nhuận gộp:** Do hầu hết giá nguyên liệu đầu vào đều tăng, trong khi khả năng tăng giá bán tương xứng với mức tăng nguyên vật liệu không cao nên Lợi nhuận gộp chỉ tăng nhẹ 1,81%.

**Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:** tăng 5,93% chủ yếu đến từ khoản lãi tiền gửi năm 2018 tăng 5% so với năm 2017. Cuối năm 2018, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn từ tiền gửi có kỳ hạn trong ngân hàng của Công ty tăng gấp 2,3 lần so với năm 2017. Theo đó cuối năm 2018, Công ty nhận được tiền lãi từ khoản tiền gửi này.

**Lợi nhuận khác:** năm 2018 lợi nhuận khác được cải thiện từ mức âm 2.272 triệu đồng lên 10.405 triệu đồng. Nguyên nhân, Công ty phát sinh thêm thu nhập từ bồi thường giải phóng mặt bằng tại chi nhánh Tân Bình và thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

### CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Vốn đầu tư (Tổng mức đầu tư)	Tiến độ thực hiện
1	Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	135.538	Gói thầu cung cấp thiết bị chính đã hoàn thành phần giao hàng. Đang triển khai thực hiện thi công xây dựng, lắp đặt.
2	Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2017 tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	6.265	Đã quyết toán dự án hoàn thành
3	Thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai (tổng vốn đầu tư theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án số 09/QĐ-HĐQT ngày 04/01/2019 của Hội đồng quản trị)	408.345	Đã ký hợp đồng thuê đất và thanh toán 30% giá trị hợp đồng
4	Cải tạo cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Tân Bình	3.900	Đã hoàn thành quyết toán dự án
5	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2017 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	9.680	Đã hoàn thành quyết toán dự án

### CÁC DỰ ÁN MỚI NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Vốn đầu tư (Tổng mức đầu tư)	Tiến độ thực hiện
1	Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	9.134	Đã lựa chọn được nhà thầu gói thầu số 1 "Hệ thống quan trắc khí thải tự động" và triển khai thực hiện hợp đồng
2	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Văn phòng Công ty	2.620	Đang triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu.
2.1	Máy nén trục vít		
2.2	Bơm chân không vòng nước		
2.3	Thiết bị đo và phân tích khí thải		
2.4	Xe đưa rước công nhân 29 chỗ ngồi		
4	Hệ thống chỉnh lưu 20 KA/520 VDC	46.647	Đã hoàn thành gói thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi
5	Mua sắm Thiết bị phản ứng sản xuất PAC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	6.135	Đang triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu
6	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	18.827	Đang triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu

### CÁC DỰ ÁN KẾ HOẠCH NĂM 2019

- Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch
- Hệ thống thiết bị lọc sóng hài
- Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa:
  - Thanh đồng và dao cắt một chiều kết nối hệ thống chỉnh lưu 16KA, BM2.7
  - Dao cắt trung thế 22 KV

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	1.088.827	1.127.793	3,58%
2	Doanh thu thuần	1.465.857	1.588.027	8,33%
3	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	415.972	423.496	1,81%
4	Lợi nhuận khác	(2.272)	10.405	-
5	Lợi nhuận trước thuế	308.250	318.538	3,34%
6	Lợi nhuận sau thuế	245.793	254.255	3,44%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.971	5.245	5,51%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2017	2018
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,74	3,71
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,00	2,46
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,79%	25,30%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	34,00%	34,83%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,23	4,75
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,40	1,43
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,77%	16,02%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	32,08%	30,61%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	23,40%	22,94%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	21,18%	19,40%

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty giảm nhẹ so với năm 2017 và lần lượt đạt 3,71 lần và 2,46 lần. Theo đó, Công ty luôn đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù hệ số khả năng thanh toán của Công ty khá cao nhưng Công ty vẫn đang sử dụng hiệu quả vốn lưu động.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số cơ cấu vốn của Công ty tăng nhẹ so với năm 2017 và lần lượt đạt 25,30% và 34,83%. Đối với một công ty sản xuất thì tỷ lệ sử dụng nợ của Công ty khá thấp. Trong điều kiện thị trường lãi suất còn nhiều rủi ro tiềm ẩn, việc chủ yếu dùng vốn chủ sở hữu sẽ giúp Công ty giảm được áp lực trả nợ.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với năm 2017, nhưng vẫn cao hơn trung bình ngành. Tổng kết năm 2018, mặc dù các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều tăng trưởng khá nhưng chi phí cũng tăng tương ứng. Trong trung hạn và dài hạn khi việc di dời nhà máy hoàn thành và giá nguyên vật liệu ổn định thì doanh thu và lợi nhuận sẽ được cải thiện.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hệ số vòng quay hàng tồn kho đạt 4,75 vòng, số ngày tồn kho tăng 7 ngày so với cùng thời điểm năm 2017. Mức tăng này đến từ tăng giá trị hàng tồn kho từ số lượng (chuẩn bị cho giai đoạn sản xuất 2019) và giá mua (giá nguyên vật liệu đến cuối năm 2018 vẫn ở mức cao). Hệ số vòng quay tổng tài sản đạt 1,43 vòng, tăng so với mức 1,40 vòng năm 2017. Quan sát hệ số trong tương quan doanh thu của Công ty tăng trưởng 8% cho thấy hiệu quả đầu tư tài sản của Công ty khá cao.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

Vốn điều lệ	:	442.000.000.000 VND
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	44.200.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	:	44.200.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	44.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 28/12/2018

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	28.731.000	287.310.000.000	65,00%
II	Cổ đông trong nước	6.572.356	65.723.560.000	14,87%
1	Cá nhân	6.402.299	64.022.990.000	14,48%
2	Tổ chức	170.057	1.700.570.000	0,39%
III	Cổ đông nước ngoài	8.896.644	88.966.440.000	20,13%
1	Cá nhân	456.870	4.568.700.000	1,04%
2	Tổ chức	8.439.774	84.397.740.000	19,09%
<b>Tổng cộng</b>		<b>44.200.000</b>	<b>442.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông lớn	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	28.731.000	65,00%
2	Vietnam Investment Property Holdings Limited	3.037.894,00	6,87%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: KHÔNG CÓ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ





A hand wearing a blue nitrile glove holds a glass Erlenmeyer flask containing a blue liquid. The flask has volume markings and the word 'HARPOX' is visible. The background is a blurred laboratory scene with various glassware and a periodic table of elements. The overall color palette is dominated by blue and purple tones.

# PHẦN III TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

---

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SHCN: SỞ HỮU CÁ NHÂN

SHDD: SỞ HỮU ĐẠI DIỆN

SHCN: SỞ HỮU CÁ NHÂN

SHDD: SỞ HỮU ĐẠI DIỆN

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu tại CSV	Tỷ lệ sở hữu tại CSV	Ghi chú
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	SHCN: 2.500 cổ phần	0,006%	
			SHDD: 11.051.000 cổ phần	25,00%	
2	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	SHCN: 53.400 cổ phần	0,12%	
			SHDD: 8.840.000 cổ phần	20,00%	
3	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	SHDD: 8.840.000 cổ phần	20,00%	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
4	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	SHCN: 2.700 cổ phần	0,006%	
5	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	SHCN: 3.400 cổ phần	0,008%	
6	Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT			Miễn nhiệm ngày 19/04/2018

## BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu tại CSV	Tỷ lệ sở hữu tại CSV	Ghi chú
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS			
2	Lê Tùng Lâm	Thành viên	SHCN: 1.500 cổ phần	0,003%	
3	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên			Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
4	Lê Thúy Mai	Thành viên			Miễn nhiệm ngày 19/04/2018

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu tại CSV	Tỷ lệ sở hữu tại CSV	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Thọ	Tổng giám đốc	SHCN: 53.400 cổ phần	0,12%	
			SHDD: 8.840.000 cổ phần	20,00%	
2	Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng giám đốc	SHCN: 23.100 cổ phần	0,05%	
3	Lê Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	SHCN: 1.700 cổ phần	0,004%	
4	Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	SHCN: 2.100 cổ phần	0,005%	
5	Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc			Miễn nhiệm ngày 01/09/2018

## NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	23/04/2018	
2	Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT		19/04/2018
3	Hoàng Minh Đức	Phó TGD		01/09/2018
4	Nguyễn Thị Minh Hà	Kiểm soát viên	23/04/2018	
5	Lê Thúy Mai	Kiểm soát viên		19/04/2018

# TỔ CHỨC

## VÀ NHÂN SỰ

### SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

#### ÔNG NGUYỄN HỮU THỌ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Số CMND:** 086059000012 **Ngày sinh:** 16/09/1959  
**Nơi sinh:** tỉnh Vĩnh Long **Quê quán:** Vĩnh Long  
**Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 180/12A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP. HCM  
**Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư hóa Đại học Bách Khoa TP.HCM  
Cử nhân Ngoại ngữ Anh Đại học Ngoại ngữ Hà Nội  
**Chức vụ đang nắm giữ** : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam.

**Quá trình công tác:**  
**1987 – 2005** : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam  
**2005 – 2013** : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam  
**01/2014 - nay** : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam

**Sở hữu cá nhân** : 53.400 cổ phần, chiếm 0,12%  
**Đại diện Tập đoàn** : 8.840.000 cổ phần, chiếm 20%  
**Hóa chất Việt Nam**

#### ÔNG NGUYỄN HOÀI PHÚ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Số CMND:** 020791888 **Ngày sinh:** 01/11/1960  
**Nơi sinh:** Tp. Hồ Chí Minh **Quê quán:** Tỉnh Long An  
**Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 322/4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP. HCM  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kế toán Đại học Kinh tế Tp.HCM  
**Chức vụ đang nắm giữ** : Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam

**Quá trình công tác:**  
**03/1982 – 12/1994:** Nhân viên, Kế toán trưởng Nhà máy Hóa chất Tân Bình  
**12/1994 – 12/2013:** Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam  
**01/2014 - nay:** Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

**Sở hữu cá nhân** : 23.100 cổ phần, chiếm 0,05%

#### ÔNG LÊ THANH BÌNH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Số CMND:** 022525824 **Ngày sinh:** 31/12/1972  
**Nơi sinh:** Tỉnh Phú Thọ **Quê quán:** Tp. Đà Nẵng  
**Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 588 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. HCM  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Mở Bán công Tp.Hồ Chí Minh  
**Chức vụ đang nắm giữ** : Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam.

**Quá trình công tác:**  
**10/1995 – 2001:** Nhân viên Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam  
**2001 – 12/2013:** Phó Phòng; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam  
**01/2014 - 04/2015:** Thành viên HĐQT; Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam  
**04/2015 - nay:** Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

**Sở hữu cá nhân** : 1.700 cổ phần, chiếm 0,004%

#### BÀ LÊ THỊ NGỌC DIỆP KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Số CMND:** 021630433 **Ngày sinh:** 17/03/1965  
**Nơi sinh:** Tp. Hà Nội **Quê quán:** Tp. Hà Nội  
**Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 68 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kinh tế vật tư Đại học Kinh tế Tp.HCM  
**Chức vụ đang nắm giữ** : Kế toán trưởng CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Phốt pho Việt Nam

**Quá trình công tác:**  
**Trước năm 2011** : Nhân viên, Phó Trưởng phòng KTTTC, Trưởng phòng KTTTC Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam  
**08/2011 – 12/2013** : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam  
**01/2014 - nay** : Kế toán trưởng CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam

**Sở hữu cá nhân** : 2.100 cổ phần, chiếm 0,005%

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CƠ CẤU NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>750</b>	<b>100%</b>
1.	Đại học	197	26,27%
2.	Cao đẳng	163	21,73%
3.	Phổ thông	390	52,00%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>750</b>	<b>100%</b>
1.	Toàn thời gian	624	83,20%
2.	Bán thời gian	126	16,80%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>750</b>	<b>100%</b>
1.	Nam	595	79,33%
2.	Nữ	155	20,67%



## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Chế độ làm việc dành cho người lao động được thực hiện đúng theo Luật lao động và các quy định của Pháp luật. Công ty xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và bình đẳng, góp phần tạo ra lực đẩy gia tăng năng suất. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang, giúp cán bộ công nhân viên có việc làm thoải mái, tiện nghi để phát huy tối đa tính sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu suất lao động góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### THỜI GIAN LÀM VIỆC

Thời gian làm việc được thực hiện đúng theo Quy định của pháp luật: 8 giờ mỗi ngày, 40 giờ trong 1 tuần. Đồng thời, với những khoảng thời gian được tăng cường để thực hiện những đơn hàng lớn theo hợp đồng và để đáp ứng phù hợp với yêu cầu của kế hoạch đề ra, Ban lãnh đạo đã linh động trong việc sắp xếp số lượng nhân viên làm tăng ca nhưng vẫn dựa trên tự nguyện của công nhân. Thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm. Thời gian nghỉ trong ca bình thường là 30 phút và ca đêm là 45 phút.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có những chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi và sức khỏe công nhân như: Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ; Nghỉ lễ, tết, thai sản, ốm đau theo đúng quy định và thực tế sức khỏe....

### ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Tùy môi trường và công đoạn sản xuất mà người lao động được trang bị bảo hộ lao động cần thiết, nhằm hạn chế thấp nhất mức tác động của nguyên liệu đến sức khỏe công nhân, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm. Công ty luôn đảm bảo môi trường lao động an toàn cho người lao động.

### CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN DỤNG

Công ty tuyển dụng nhân sự dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch v.v... Đào tạo và phát triển kỹ năng nhân viên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình trong công việc. Công ty chú trọng vào các khoá đào tạo, huấn luyện ở tất cả các lĩnh vực để cải tiến chất lượng, nâng cao chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi vị trí công việc. Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV, NLD nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài; đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Có chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích CBCNV, NLD tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

# BÁO CÁO

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### CÔNG TÁC QUẢN LÝ

#### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu, năng lượng đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguyên vật liệu, năng lượng chính dùng cho sản xuất của Công ty bao gồm: Muối công nghiệp (NaCl), Cát trắng, Lưu huỳnh (S), Phốt pho vàng (P<sub>4</sub>), Quặng bô xít, BaCl<sub>2</sub>.2H<sub>2</sub>O, điện....

Đối với nguyên vật liệu: Cát trắng, Phốt pho vàng, Quặng Bô xít là những nguyên liệu trong nước sẵn có không phải nhập khẩu, 12% muối công nghiệp được mua từ các doanh nghiệp trong nước, 88% còn lại nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng với lưu huỳnh và BaCl<sub>2</sub>.2H<sub>2</sub>O Công ty nhập khẩu toàn bộ.

Đối với các nguyên liệu sẵn có: Công ty có nguồn cung ứng ổn định là những nhà cung cấp uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty có lợi thế là có công ty con và xí nghiệp trực thuộc sản xuất phốt pho và khai thác bô xít nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này.

Đối với nguyên liệu nhập khẩu: Công ty nhập khẩu chủ yếu nguồn hàng từ Ấn Độ, Úc, Trung Đông, Nga, Singapore...

Đối với năng lượng: năng lượng lớn nhất trong quá trình sản xuất của Công ty là điện, được dùng trong các khâu điện phân, chiếm hơn 40% giá thành sản phẩm. EVN là nhà cung cấp toàn bộ điện cho quá trình sản xuất của Công ty.

#### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

##### Đối với hoạt động sản xuất

- Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.
- Nhanh chóng thực hiện công tác di dời các nhà máy để giảm thiểu chi phí xử lý chất thải, hạn chế ô nhiễm môi trường, đồng thời có thể mở rộng sản xuất.
- Thực hiện đầy đủ công tác theo dõi, quan trắc, đo đạc và quản lý các chỉ tiêu môi trường.
- Thực hiện cải tạo, cải tiến công nghệ và thiết bị lạc hậu trong sản xuất để cắt giảm bớt nguồn phát tán ô nhiễm.

##### Đối với hoạt động xử lý chất thải

- Nước thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn A QCVN 40:2011/ BTNMT hoặc theo quy định của Khu công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải của Khu công nghiệp.
- Khí thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn B QCVN 19:2009/ BTNMT trước khi thải ra môi trường
- Chất thải rắn được phân loại và áp dụng cách xử lý theo quy định tại Nghị định 38/2015/ NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu và các Thông tư hướng dẫn liên quan.
- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển về kho lưu riêng biệt, đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/ BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/ BTNMT về quản lý chất thải nguy hại.

#### QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Đặc thù sản xuất của Công ty là sản phẩm của Nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của Nhà máy khác hay sản phẩm khác trong cùng Công ty, chuỗi khép kín này sẽ giúp tiết kiệm chi phí và tăng tính chủ động. Tuy nhiên, nếu sản phẩm đầu vào của Nhà máy có vấn đề về chất lượng sẽ tạo tác động kép đến toàn bộ chuỗi giá trị. Theo đó, Công ty đã chủ động xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cho từng sản phẩm tại từng khâu nhằm giám sát chặt chẽ chất lượng.

Năm 2018, Công ty đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, dự kiến đưa vào sử dụng từ quý III năm 2019 công suất Xút - Clo sẽ tăng 10%. Trang thiết bị mới sẽ giúp hạn chế rủi ro xảy ra, đảm bảo được chất lượng.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN

Thu nhập bình quân từ lương của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2010	6.470.000
2	2011	8.000.000
3	2012	8.510.000
4	2013	9.340.000
5	2014	12.000.000
6	2015	14.210.000
7	2016	15.000.000
8	2017	16.490.000
9	2018	17.500.000

Có thể thấy thu nhập bình quân từ lương của người lao động của Công ty qua các năm đều tăng trưởng liên tục, mức tăng trưởng kép CAGR là 11,69%/năm.

#### CHÍNH SÁCH NHẪM ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh tác động lớn đến sức khỏe con người nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm. Cụ thể:

- Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn cho người lao động đã được Công ty thực hiện tốt.
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về an toàn lao động theo quy định của Nhà nước.
- Thực hiện tốt các nội dung đào tạo nâng cao tay nghề kết hợp với huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Kinh tế phát triển bền vững phải đi song hàng với việc cân bằng các giá trị môi trường – xã hội, “phát triển bền vững” là mục tiêu quan trọng trong hoạt động của Công ty. Theo đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ như: thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình có công với cách mạng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thăm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, tổ chức các chuyến đi về nguồn để CBCNV, NLĐ vừa có cơ hội thư giãn nhân các dịp lễ vừa có dịp nâng cao ý thức và trách nhiệm với cộng đồng.

A person in a dark blue suit and striped tie is playing Jenga. They are carefully pulling a wooden block from a stack of 18 blocks. The background is a blurred office setting.

## PHẦN IV

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

---

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2018

Môi trường kinh doanh ngành hóa chất năm 2018 bị ảnh hưởng không nhỏ từ diễn biến căng thẳng kinh tế thương mại thế giới cũng như một số tác động từ chính sách và quy định hiện hành, đặc biệt là tình trạng khó khăn về nguyên liệu đầu vào. Một số diễn biến giá nguyên liệu quan trọng như:

- Giá lưu huỳnh bình quân 10 tháng đầu năm 2018 tăng 21,1% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Giá muối công nghiệp năm 2018 tăng mạnh. Đầu năm 2018, giá muối về nhà máy đã tăng 50% so với cùng kỳ năm 2017.

Bên cạnh đó, hệ thống máy móc kỹ thuật của ngành hóa chất vẫn đang ở mức độ trung bình khá so với một số nước trong khu vực nên năng suất của ngành chưa cao và giá trị gia tăng còn thấp.

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2018	TH/KH
1	Tổng doanh thu tiêu thụ hợp nhất	1.588	1.362	116,59%
2	Tổng khoản nộp ngân sách riêng (Công ty mẹ)	197	130	151,54%
3	LNTT riêng (Công ty mẹ)	318	283	112,37%
4	Cổ tức	36% (*)	20%	180,00%

(\*) Mức chi trả cổ tức này sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Từ số liệu có thể thấy tất cả các chỉ tiêu kinh doanh quan trọng của Công ty đều đạt kế hoạch đề ra. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh không quá thuận lợi và kế hoạch di dời các nhà máy tại KCN Biên Hòa 1 vẫn chưa hoàn thành, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ phù hợp từ cuối năm 2017. Theo đó, kết thúc năm 2018 kết quả kinh doanh Công ty đạt được rất khả quan



## VỀ DOANH THU

STT	Chỉ tiêu	2017	2018
1	Doanh thu bán thành phẩm	1.342.675	1.454.437
2	Doanh thu bán hàng hóa	113.172	127.337
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.010	6.252
4	Doanh thu tài chính	24.292	27.016
5	Thu nhập khác	853	13.202

Trong cơ cấu doanh thu các mảng hoạt động của công ty, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là doanh thu từ bán thành phẩm đạt 1.454 tỷ đồng, tăng 8,32% so với năm 2017, các khoản doanh thu còn lại hầu như không biến động nhiều.

Tuy nhiên, đáng lưu ý trong tổng doanh thu 2018 là khoản tăng lên bất thường từ Thu nhập khác. Khoản tăng lên này đến từ Thu nhập do bồi thường giải phóng mặt bằng tại Chi nhánh Tân Bình và thu từ thanh lý tài sản cố định.

## VỀ CHI PHÍ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018
1	Chi phí nguyên vật liệu	432.320	533.132
2	Chi phí nhân công	166.627	179.877
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	40.799	25.520
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.616	341.159
5	Chi phí bằng tiền khác	116.462	145.723

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất nên chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 43,51%. Năm 2018, giá trị yếu tố này tăng đến 23,32% so với năm 2017, nguyên nhân do biến động tăng của giá nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, chi phí khấu hao TSCĐ giảm hơn 37,45% do Công ty thanh lý một số tài sản cố định và công cụ dụng cụ. Tuy số lượng lao động không biến động nhưng chi phí nhân công tăng nhẹ do chính sách tăng lương tối thiểu vùng và chính sách về BHXH, BHYT.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

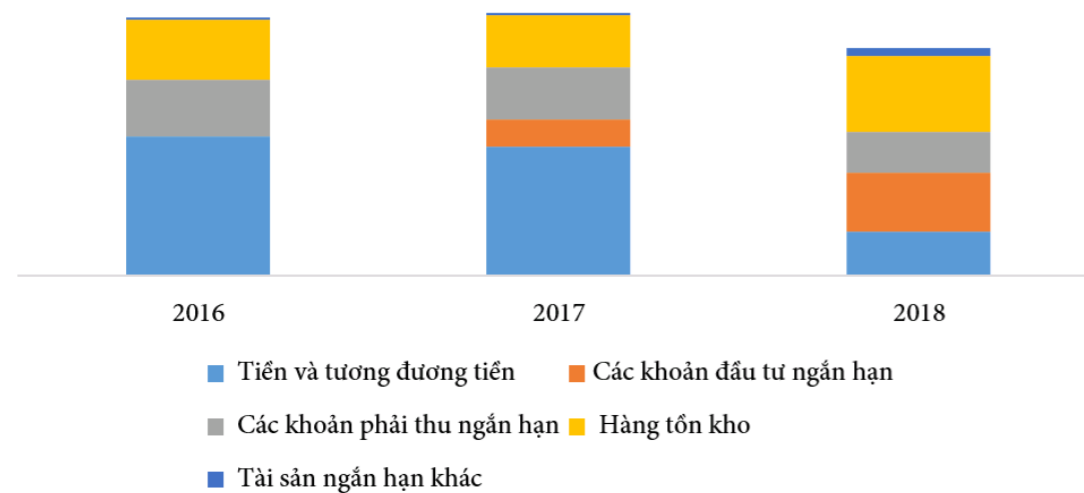
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	986.052	883.212	-10.43%
Tài sản dài hạn	102.775	244.581	137.98%
Tổng tài sản	1.088.827	1.127.793	3.58%

Trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao, bình quân 3 năm đều trên 75%. Năm 2018, tỷ lệ này có sự sụt giảm so với các năm trước vì tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Trong năm 2018, Công ty thực hiện đầu tư thuê đất nhằm di dời các nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, đầu tư thay thế bình điện phân DD350 và đầu tư hệ thống chính lưu 20KA/520VDC.

Những năm gần đây tài sản cố định của doanh nghiệp đã khấu hao gần hết. Điều này hỗ trợ Công ty giảm đáng kể một phần chi phí khấu hao được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ giúp doanh nghiệp gia tăng tối đa lợi nhuận. Hiện tại Công ty đang thực hiện kế hoạch đầu tư, sửa chữa nâng cấp thiết bị mới để gia tăng chất lượng sản phẩm và hiệu suất công việc.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2018 của Công ty có sự biến động mạnh: Tiền và tương đương tiền giảm hơn 64,98%, Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 130% và Hàng tồn kho tăng 53,03%. Theo đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Tài sản ngắn hạn là Hàng tồn kho. Tiền mặt trong năm của Công ty chi vào mua sắm nguyên vật liệu cần thiết phục vụ hoạt động kinh doanh và gửi ngân hàng có kỳ hạn

### CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

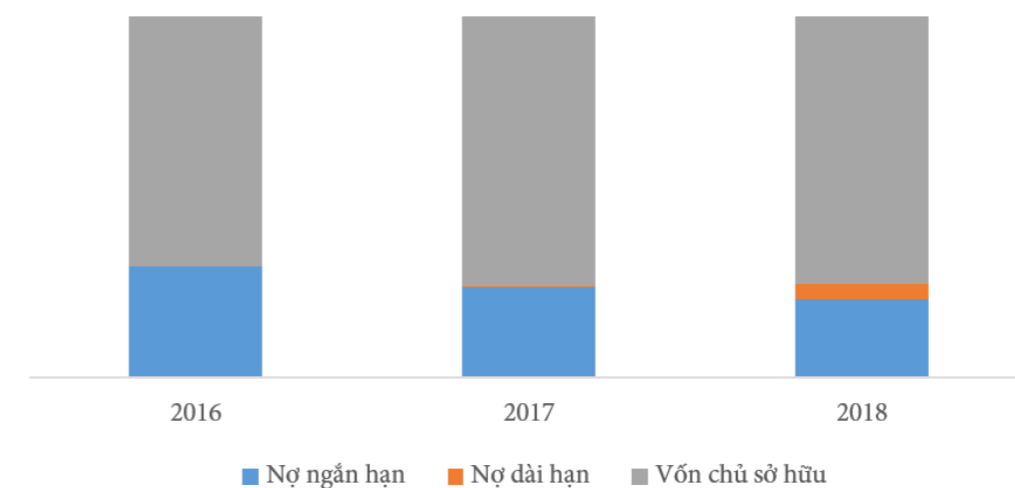
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	263.935	238.257	-9,73%
Nợ dài hạn	6.022	47.119	682,45%
Vốn chủ sở hữu	818.871	842.417	2,87%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.088.827</b>	<b>1.127.793</b>	<b>3,58%</b>

Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, vốn chủ sở hữu tiếp tục là chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn nhất trên 70%. Do đặc thù ngành nghề sản xuất hóa chất nên nhu cầu sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động mua nguyên vật liệu của Công ty khá lớn. Nợ ngắn hạn qua các năm có xu hướng giảm dần về giá trị. Số dư ngắn hạn tại các thời điểm cuối kỳ phụ thuộc vào việc cân đối dòng tiền lưu động cùng với việc thanh toán các khoản vay vào thời điểm đó.

Công ty hầu như rất hạn chế sử dụng nguồn vốn vay dài hạn. Năm 2018, Công ty bắt đầu sử dụng nguồn vốn vay dài hạn để phục vụ cho việc đầu tư thay mới trang thiết bị nhằm hỗ trợ gia tăng công suất nâng cao hiệu quả kinh doanh, cụ thể:

- Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa;
- Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2019 và đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN





# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

## Công tác sản xuất kinh doanh

- Thanh lý hiệu quả các máy móc sản xuất cũ và Đầu tư thay mới trang thiết bị để chuẩn bị tốt cho công tác di dời.
- Trong bối cảnh lãi suất và tỷ giá khá biến động và tiềm ẩn nhiều rủi ro, Công ty đã Xây dựng hiệu quả kế hoạch tiêu thụ giúp hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Hoàn thành công tác tìm và thuê đất tại KCN Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai (đã thanh toán 30% giá trị hợp đồng thuê). Khu đất sẽ phục vụ cho công tác di dời các nhà máy của Công ty.
- Cải tạo cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Tân Bình.
- Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.



## Cải tiến công tác nhân sự

- Công ty tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV, NLD thông qua hình thức đào tạo nội bộ về các kỹ năng tác nghiệp và sản xuất và các khóa đào tạo bên ngoài hoặc mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CBCNV, NLD.
- Công tác tuyển dụng vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đối với những công đoạn sản xuất giản đơn nhằm tiết giảm chi phí Công ty tiếp tục tuyển dụng theo hình thức việc làm thời vụ.
- Thu nhập từ lương người lao động tiếp tục tăng trưởng, bình quân đạt 17,5 triệu đồng, tăng 6,12% so với năm 2017.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Nhiệm vụ kế hoạch năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Giá trị SXCN theo giá trị thực tế năm 2019	Tỷ đồng	1.629	1.590
2	Tổng doanh thu tiêu thụ hợp nhất	Tỷ đồng	1.588	1.466
3	Nợ ngân sách (CSV)	Tỷ đồng	197	172
4	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	319	293

### Dự báo những thuận lợi và khó khăn năm 2019

#### Thuận lợi

- Các trang thiết bị đầu tư mới năm 2018 sẽ mang lại hiệu suất sản xuất cao hơn.
- Công ty đã tìm và thuê được đất phù hợp cho các nhà máy chuẩn bị di dời.
- Sản phẩm Xút (NaOH) và axit sulfuric ( $H_2SO_4$ ) – sản phẩm chính của Công ty và là một trong những sản phẩm chủ lực trong chiến lược phát triển ngành hóa chất đến năm 2020.
- Từ ngày 24/12/2018, Cục Hóa chất (trực thuộc Bộ Công thương) đã hủy bỏ, bãi bỏ 24 thủ tục hành chính, công bố mới 18 thủ tục hành chính – đây là những thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu hóa chất. Rút ngắn thủ tục sẽ tạo thuận lợi và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia cho ngành.

#### Khó khăn

- Diễn biến giá nguyên liệu đầu vào như: lưu huỳnh, muối công nghiệp... vẫn đang ở mức cao.
- Nguyên liệu chủ yếu vẫn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.
- Lãi suất 2019 có xu hướng tăng.
- Giá điện tăng lên mức 8,36% (tức 1.864,44 đồng/kWh chưa bao gồm thuế VAT) từ ngày 20/3/2019

### Những giải pháp thực hiện kế hoạch 2019

- Công ty chú trọng công tác bán hàng, duy trì mối quan hệ bán hàng nên công ty luôn có một lượng khách hàng ổn định.
- Chất lượng sản phẩm tốt luôn được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.
- Tìm kiếm cơ hội nhập khẩu vật tư nguyên liệu với giá cả hợp lý để hạ giá thành sản xuất, tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng nhằm đảm bảo mức doanh thu và lợi nhuận đạt/vượt kế hoạch.
- Công ty vẫn tiếp tục dùng một số nguyên vật liệu từ thị trường nội địa để duy trì ổn định một phần chi phí sản xuất.
- Đầu tư bình điện phân mới thay thế bình điện phân DD350. Để đáp ứng nhu cầu thị trường, sửa chữa, tận dụng lại bình điện phân DD350, dự kiến công suất Xút - Clo tăng 10%.



# BÁO CÁO

## CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



- Thực hiện xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch hành động OHSAS 18001:2015 của Công ty năm 2018. Công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trực thuộc và toàn Công ty đạt 103% kế hoạch được giao. Công tác tổ chức được củng cố kiện toàn nhằm đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động.
- Tổng số người lao động được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động là 696 lượt người, chi phí huấn luyện 189 triệu đồng. Các đơn vị trực thuộc đã phân nhóm các đối tượng lao động theo đúng yêu cầu của Luật ATVSLĐ và tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho các nhóm đối tượng.
- Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, trong năm 2018 Công ty đã thực hiện khám sức khỏe cho 569 lượt người. Trong đó, người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại được khám 02 lần/năm và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp. Tổng chi phí là 1,058 tỷ đồng.
- Huấn luyện sơ cấp cứu tai nạn cho lực lượng An toàn vệ sinh gồm 69 người, chi phí huấn luyện 10 triệu đồng.
- Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành đo kiểm môi trường lao động tại các đơn vị với tổng số mẫu đo là 839 mẫu, hầu như các mẫu đo đều đạt theo yêu cầu các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động. Chi phí thực hiện quan trắc là 63,462 triệu đồng.
- Công tác PCCC tại các đơn vị trực thuộc tuân thủ đúng theo luật PCC và có phương án được cảnh sát PCCC địa phương phê duyệt. Các trong thiết bị PCCC được kiểm tra thường xuyên và thực hiện bảo dưỡng theo đúng định kỳ hàng tháng. Năm 2018 đã huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 96 đội viên chữa cháy, phổ biến kiến thức về PCCC cho 567 lượt người, với chi phí 74 triệu đồng.



- Công tác kiểm soát an toàn hóa chất được thực hiện chặt chẽ: khai báo, kiểm soát hoạt động mua bán hóa chất, hoạt động xuất nhập kho nguyên vật liệu.... Năm 2018, toàn đơn vị thực hiện thao dợt diễn tập xử lý sự cố hóa chất.

#### Thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2018

- Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2018: 9.776.522.000 đồng
- Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2018: 9.452.775.000 đồng.

#### Tình hình thực hiện bảo vệ môi trường trong năm:

- Công tác quan trắc môi trường được thực hiện định kỳ 4 lần/năm đối với các đơn vị sản xuất và 2 lần/năm đối với Chi nhánh Tân Bình. Giá trị thực hiện: 690.721.000 đồng.
- Nước thải và khí thải, chất thải rắn phát sinh được kiểm soát, thu gom xử lý 100% theo yêu cầu luật định.
- Kiểm soát và xử lý nước thải và khí thải đạt yêu cầu các quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường. Giá trị thực hiện là 3.812.631.000 đồng.
- Quản lý chất thải rắn bao gồm chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại, chất thải sinh hoạt giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định. Giá trị thực hiện 4.362.238.000 đồng.
- Cải tiến trong công tác bảo vệ môi trường được khuyến khích thực hiện nhằm giảm thiểu đến mức tối đa các tác động đến môi trường từ quá trình sản xuất. Trong năm 2018 có 8 cải tiến về môi trường, duy trì được hoạt động tái sử dụng nước thải. Tổng lượng nước được tái sử dụng trong năm là 47.640 m3 với giá trị tiết kiệm tương đương 476 triệu đồng.



PHẦN V  
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

---

---

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



### ĐÁNH GIÁ VỀ TRIỂN VỌNG NGÀNH

- Hiện nay, nhu cầu hóa chất công nghiệp đang tăng trưởng mạnh ở các nền kinh tế thị trường mới nổi ở châu Á, tại Việt Nam tăng trưởng trung bình ngành là 9 - 10%/năm.
- Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, năm 2018, nhập khẩu hóa chất của Việt Nam đạt 10,19 tỉ USD, tăng 16,9% so với năm trước, xếp thứ 06 trong danh mục nhóm hàng nhập khẩu nhiều nhất, cho thấy nguồn cung hóa chất trong nước vẫn còn nhiều dư địa phát triển.
- Tăng trưởng của ngành hàng chất tẩy rửa và thực phẩm là động lực cho ngành hóa chất.
- Các sản phẩm trong định hướng chiến lược của ngành hóa chất có nhóm sản phẩm chất tẩy rửa - là ngành tiêu thụ nhiều nhất sản phẩm Xút (NaOH) của Công ty.
- Theo Kế hoạch phát triển ngành hóa chất đến 2010 và tầm nhìn đến 2020, ngành công nghiệp hóa chất được xem là một trong những ngành then chốt và được ưu tiên. Tất cả các nguồn lực trong và ngoài nước sẽ tập trung vào toàn diện ngành hóa chất, bao gồm các lĩnh vực chủ yếu như hóa chất cơ bản (bao gồm hóa chất hữu cơ và vô cơ), phân bón, cao su thông dụng và chuyên dụng.
- Chính phủ khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia sản xuất nguyên liệu hóa chất trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước.



### Hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng kết năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả sau:

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Tăng/giảm 2018
1	Doanh thu thuần	1.465.857	1.588.027	8,33%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	310.522	308.132	-0,77%
3	Lợi nhuận khác	-2.272	10.405	-
4	Lợi nhuận trước thuế	308.250	318.538	3,34%
5	Lợi nhuận sau thuế	245.793	254.255	3,44%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của CSV

Năm 2018, hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty đều tăng so với năm 2017. Riêng Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm nhẹ 0,77%. Nguyên nhân: Giá sản phẩm đầu ra của Công ty có xu hướng tăng. Giá Xút tiếp tục tăng trong năm 2018 do áp lực tăng của giá xút thế giới do quy định bảo vệ môi trường được thắt chặt trên toàn thế giới, đặc biệt là EU, Trung Quốc khiến giá Xút trong nước tăng. Thêm vào đó, giá nguyên liệu đầu vào trong năm cũng tăng: giá muối công nghiệp tăng 222.000 đồng/tấn, giá lưu huỳnh tăng 1.045.000 đồng/tấn, mức tăng cao nhất trong 5 năm trở lại đây.

Doanh thu tăng (giá bán đầu ra tăng) góp phần bù đắp cho việc tăng của giá vốn hàng bán nên khiến lợi nhuận gộp trong kỳ của Công ty tăng 1,81% so với năm trước. Tuy nhiên, các chi phí khác như chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng trung bình hơn 30,59%. Theo đó đã làm Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 308 tỷ đồng, giảm 0,77% so với năm 2017.

### Hoạt động đầu tư

Kết quả thực hiện công tác đầu tư trong năm:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Vốn đầu tư KH do ĐHCĐ đề ra 2018	343.476 triệu đồng
2	Vốn đầu tư đã thực hiện	167.929 triệu đồng, đạt 48,89% so với kế hoạch

Tình hình các dự án đầu tư:

- Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: đơn vị cung cấp thiết bị đã hoàn thành phần giao hàng. Dự án đi vào giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt
- Thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất và thanh toán 30% giá trị hợp đồng.
- Hệ thống chính lưu 20 KA/520 VDC: Đã hoàn thành gói thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

## Hoạt động sửa chữa lớn

Kết quả thực hiện công tác sửa chữa lớn trong năm 2018:

STT	Nội dung	KH 2018			TH 2018			
		Tổng giá trị	KH 2018	Năm 2017 chuyển sang	Tổng giá trị	Năm 2018	Năm 2017 chuyển sang	Dỡ dang chuyển tiếp sang 2019
<b>Theo kế hoạch được duyệt của năm 2018 (17 hạng mục)</b>		<b>48.949</b>	<b>37.870</b>	<b>11.079</b>	<b>38.284</b>	<b>27.206</b>	<b>11.078</b>	-
<b>I Sửa chữa nhà xưởng, vật kiến trúc: (02 hạng mục)</b>		<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	-	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	-	-
<b>Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: (02 hạng mục)</b>		<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	-	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	-	-
1	A.1.18 Nhà đặt máy chỉnh lưu, máy phát điện, Nhà điện giải	800	800		1.000	1.000		
2	A.2.18 Nhà xưởng hòa tan muối	400	400		1.000	1.000		
<b>II Sửa chữa máy móc thiết bị: (12 hạng mục)</b>		<b>36.670</b>	<b>36.670</b>	-	<b>26.206</b>	<b>26.206</b>	-	-
<b>Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: (11 hạng mục)</b>		<b>36.165</b>	<b>36.165</b>	-	<b>25.829</b>	<b>25.829</b>	-	-
3	B.1.18 Bình điện phân BM 2.7-bình 5	5.990	5.990		4.162	4.162		
4	B.2.18 Bình điện phân DD350-bình 2	12.638	12.638		6.844	6.844		
5	B.3.18 Bình điện phân DD350-bình 1	9.116	9.116		8.988	8.988		
6	B.4.18 Dây chuyền điều chế nước muối điện phân	2.351	2.351		1.729	1.729		
7	B.5.18 Công đoạn cô đặc xút	1.740	1.740		597	597		
8	B.6.18 Hệ thống đường ống công nghệ (công đoạn clo lỏng)	1.890	1.890		1.345	1.345		
9	B.7.18 Hệ thống tụ bù trung thế 1800 KVAR	500	500		493	493		

STT	Nội dung	KH 2018			TH 2018			
		Tổng giá trị	KH 2018	Năm 2017 chuyển sang	Tổng giá trị	Năm 2018	Năm 2017 chuyển sang	Dỡ dang chuyển tiếp sang 2019
10	B.8.18 Hệ thống chỉnh lưu 16KA/380VDC	320	320		314	314		
11	B.9.18 Hệ thống đường dây trung thế 22KV	400	400		391	391		
12	B.10.18 Hệ thống điện động lực- chiếu sáng- chống sét nước muối sơ cấp	770	770		675	675		
13	B.11.18 Hệ thống PCCC	450	450		291	291		
<b>Nhà máy Hóa chất Đồng Nai: (01 hạng mục)</b>		<b>505</b>	<b>505</b>	-	<b>377</b>	<b>377</b>	-	-
14	B.12.18 Hệ thống đường ống công nghệ axit photphoric H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub>	505	505		377	377		
<b>III Hạng mục 2017 chuyển sang</b>		<b>11.079</b>	-	<b>11.079</b>	<b>11.078</b>	-	<b>11.078</b>	-
<b>Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: (02 hạng mục)</b>		<b>10.428</b>	-	<b>10.428</b>	<b>10.427</b>	-	<b>10.427</b>	-
15	B.1.17 Bình điện phân BM 2.7-bình 6	3.920		3.920	3.920		3.920	
16	B.2.17 Bình điện phân DD350-bình 3	6.508		6.508	6.507		6.507	
<b>Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2: (01 hạng mục)</b>		<b>651</b>	-	<b>651</b>	<b>651</b>	-	<b>651</b>	-
Hệ thống đường ống dây chuyền acid sulfuric								
17	B.15.17 - Đường ống dẫn axit; Đường ống dẫn hỗn hợp khí;  - Đường ống dẫn nước và hơi nước.	651		651	651		651	

**Giá trị thực hiện sửa chữa lớn tính đến ngày 31/12/2018: 38,284 tỷ đồng, đạt 100% số hạng mục so với kế hoạch.**

# ĐÁNH GIÁ

## CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

#### KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể là:

- Ban Tổng Giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Các khoản chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
- Thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế trong năm 2018 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông. Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước.



#### CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, diễn biến kinh tế thế giới có nhiều yếu tố là hậu thuẫn tích cực cho tăng trưởng của Việt Nam bao gồm: Triển vọng tăng trưởng khả quan của kinh tế thế giới trong đó đặc biệt từ triển vọng kinh tế Mỹ, đồng thời tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế vẫn đang được đẩy nhanh. Ngoài ra, với 16 hiệp định FTA đã và đang được đàm phán kí kết, 10 hiệp định FTA đã có hiệu lực, thị trường tiêu thụ của Việt Nam đang ngày càng mở rộng, tạo cơ hội gia tăng nhu cầu đối với hàng Việt Nam.

Tuy nhiên, theo NCIF (Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội Quốc gia – thuộc Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia), bên cạnh những yếu tố tích cực, nền kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều yếu tố tiêu cực, có thể ảnh hưởng tới khả năng tăng trưởng, như:

- Nền kinh tế vẫn thiếu hụt các động lực tăng trưởng chính trong khi áp lực lạm phát tăng lên, hạn chế dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng.
- Xu hướng bảo hộ thương mại và hàng rào phi thuế quan ngày càng gia tăng.
- Diễn biến thị trường ngoại hối khó lường.
- Môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của Việt Nam mặc dù đã được cải thiện nhưng hiện vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, trước những dự báo không quá khả quan về tình hình kinh tế năm 2019. Ban Tổng Giám đốc Công ty cần:

- Thận trọng hơn trong các chính sách liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào và chính sách bán hàng đầu ra để tránh giá vốn sản xuất và chi phí bán hàng quá lớn trong khi môi trường cạnh tranh gay gắt có thể khiến doanh thu không đủ bù đắp chi phí.
- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục thuê đất cho kế hoạch di dời nhà máy.
- Lập báo cáo chủ trương đầu tư dự án di dời 3 Nhà máy tại KCN Biên Hòa 1
- Xây dựng kế hoạch đầu tư vào trang thiết bị sản xuất để tối đa hóa năng suất và tối thiểu hóa chi phí.
- Tập trung vào sản xuất các sản phẩm có biên lợi nhuận cao như Xút (NaOH), Clo, Axit Clohydric.

#### Các giải pháp

- Tập trung đầu tư vào chiều sâu ở công tác bán hàng, khai thác tối đa những khách hàng hiện tại và tìm kiếm những khách hàng mới.
- Theo sát diễn biến của giá nguyên vật liệu để có điều chỉnh hợp lý về giá bán.
- Nghiên cứu và tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu có chất lượng tốt với giá bán hợp lý.
- Công ty chú trọng công tác bán hàng, duy trì mối quan hệ bán hàng nên công ty luôn có một lượng khách hàng ổn định.
- Chất lượng sản phẩm tốt luôn được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.
- Tìm kiếm cơ hội nhập khẩu vật tư nguyên liệu với giá cả hợp lý để hạ giá thành sản xuất, tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng nhằm đảm bảo mức doanh thu và lợi nhuận đạt/vượt kế hoạch.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Đối với hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Giá trị SXCN theo giá trị thực tế năm 2019	Tỷ đồng	1.629	1.590
2	Tổng doanh thu tiêu thụ hợp nhất	Tỷ đồng	1.588	1.466
3	Nộp ngân sách (CSV)	Tỷ đồng	197	172
4	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	319	293
5	Cổ tức (%/mệnh giá)	%	36%*	20%

Ghi chú: (\*) Tỷ lệ chi trả cổ tức này sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên 2019

Về đầu tư:

STT	Dự án	Giá trị kế hoạch đầu tư (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>233.047</b>
1	Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	27.845
2	Thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai	134.667
3	Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	7.249
4	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Văn phòng Công ty <i>Máy nén trục vít</i> <i>Bơm chân không vòng nước</i> <i>Thiết bị đo và phân tích khí thải</i> <i>Xe ô tô 7 chỗ ngồi</i>	2.495
5	Hệ thống chính lưu 20 KA/520 VDC	39.396
6	Mua sắm Thiết bị phản ứng sản xuất PAC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	5.258
7	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa <i>Hệ nén Clo lỏng</i> <i>Bồn kết tinh MgSO<sub>4</sub></i> <i>Xe nâng 3,5 tấn</i> <i>Tủ phân cực</i> <i>Tổng đài điện thoại</i>	16.137
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư mới</b>	
<b>III</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>	
1	Nhà máy hóa chất Nhơn Trạch	7.900
2	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2019	
3	Hệ thống thiết bị lọc sóng hài	
4	Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa <i>Thanh đồng và dao cắt một chiều kết nối hệ thống chính lưu 16KA, BM2.7</i> <i>Dao cắt trung thế 22 KV</i>	
5	Mua sắm Bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm	
6	Mua sắm tháp tổng hợp axit HCl 32%, công suất 75 tấn HCl 100%/ngày	
7	Mua sắm hệ cô đặc xút 50%, công suất 20.000 tấn NaOH 100%/ngày	

## PHẦN VI QUẢN TRỊ CÔNG TY



# QUẢN TRỊ CÔNG TY (TT)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu tại CSV	Tỷ lệ sở hữu tại CSV	Ghi chú
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	SHCN: 2.500 cổ phần	0,006%	
			SHĐD: 11.051.000 cổ phần	25,00%	
2	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	SHCN: 53.400 cổ phần	0,12%	
			SHĐD: 8.840.000 cổ phần	20,00%	
3	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	SHĐD: 8.840.000 cổ phần	20,00%	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
4	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	SHCN: 2.700 cổ phần	0,006%	
5	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	SHCN: 3.400 cổ phần	0,008%	
6	Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT			Miễn nhiệm ngày 19/04/2018

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không thành lập tiểu ban.

**Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2018, các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực:

- Phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án “Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”.
- Ban hành “Chương trình hành động năm 2018 của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ – CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ”.
- Chỉ đạo công tác di dời 03 Nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.
- Chỉ đạo công tác thoái vốn tại CTCP Phốt pho Việt Nam.
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 03 năm 2017 bằng tiền và chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1, đợt 2 năm 2018 bằng tiền.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã được thông qua ngày 23/04/2018.
- Thực hiện triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định của luật hiện hành.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	
2	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	04/04	100%	
3	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	02/04	50%	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
4	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	04/04	100%	
5	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	04/04	100%	
6	Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT	02/04	50%	Miễn nhiệm ngày 19/04/2018

**Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc:**

- Tuân thủ Quy chế quản trị theo hướng dẫn của UBCK Nhà nước đối với các công ty niêm yết.
- Thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
- Chấp hành các quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
- Thực hiện triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định của luật hiện hành.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY (TT)

Các Nghị quyết, Quyết định trong năm

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	48a/NQ-HĐQT	12/01/2018	Về kỳ họp thứ 17, nhiệm kỳ 2014 -2018
2	50/QĐ-HCCB	15/01/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018
3	52/QĐ-HĐQT	15/01/2018	Về việc cử Ông Lê Văn Hùng- Chủ tịch HĐQT đi công tác ngắn hạn tại Pháp
4	53/QĐ-HĐQT	15/01/2018	Về việc cử Ông Lê Thanh Bình- Phó Tổng Giám đốc đi công tác ngắn hạn tại Pháp
5	70/NQ-HĐQT	22/01/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài năm 2018
6	73/QĐ-HĐQT	22/01/2018	Về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án “Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
7	74/QĐ-HĐQT	22/01/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2018
8	109/QĐ-HĐQT	29/01/2018	Về việc cử Ông Nguyễn Hữu Thọ- Tổng Giám đốc đi công tác ngắn hạn tại Châu Âu
9	143/QĐ-HĐQT	31/01/2018	Về việc phê duyệt thẩm định giá lại (lần 2) tài sản thanh lý thuộc phân xưởng muối Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
10	144/QĐ-HĐQT	31/01/2018	Về việc phê duyệt thanh lý tài sản cố định “Thiết bị trao đổi nhiệt khí số 02” Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
11	186/NQ-HĐQT	12/02/2018	Về việc gia hạn thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về “Dự án thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai”
12	194/QĐ-HĐQT	22/02/2018	Về việc phê duyệt quyết toán báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoàn thành “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2016 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai”
13	201/QĐ-HĐQT	21/02/2018	Về việc phê duyệt thanh lý tài sản cố định “Hệ thống điện động lực, chiếu sáng” tại Mỏ Bô xít Bảo Lộc
14	231/NQ-HĐQT	07/03/2018	Về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018
15	250/QĐ-HĐQT	16/03/2018	Về việc ban hành “Chương trình hành động năm 2018 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ”

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
16	255/QĐ-HĐQT	19/03/2018	Về việc phê duyệt “Dự án thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, tỉnh Đồng Nai”
17	280/QĐ-HĐQT	27/03/2018	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương người lao động năm 2017
18	281/QĐ-HĐQT	27/03/2018	Về việc ban hành “Bộ định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu năm 2018”
19	282/QĐ-HĐQT	27/03/2018	Về việc ban hành “Chương trình thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018”
20	328/NQ-HĐQT	06/04/2018	Về kỳ họp thứ 18, nhiệm kỳ 2014 -2018
21	330/QĐ-HĐQT	09/04/2018	Về việc phê duyệt thiết kế cơ sở và cơ cấu tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án “Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
22	369/NQ-HĐQT	19/04/2018	Về việc thông qua đơn từ nhiệm và bầu bổ sung nhân sự cho chức danh thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014 - 2018.
23	415/NQ-HĐQT	07/05/2018	Về việc chi trả cổ tức đợt 3 năm 2017 bằng tiền.
24	424/NQ-HĐQT	08/05/2018	Về việc phê duyệt phương án thoái vốn của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam.
25	446/QĐ-HĐQT	09/05/2018	Về việc bổ nhiệm lại ông Lê Thanh Bình giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
26	484/NQ-HĐQT	22/05/2018	Về việc bổ nhiệm Ông Phạm Công Trường giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
27	489/QĐ-HĐQT	23/05/2018	Về việc chi thưởng tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2017
28	508/NQ-HĐQT	29/05/2018	Về việc chọn công ty kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018
29	523/QĐ-HĐQT	29/05/2018	Về việc thay đổi ngành nghề công ty
30	534/QĐ-HĐQT	01/06/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018 (điều chỉnh)
31	540/QĐ-HĐQT	04/06/2018	Về việc cử đoàn cán bộ công ty tham gia đợt công tác ngắn hạn tại Đài Loan
32	612/QĐ-HĐQT	27/06/2018	Về việc phê duyệt quyết toán Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoàn thành “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2017 tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai”
33	640/QĐ-HĐQT	04/07/2018	Về việc phê duyệt dự án: “Mua sắm hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2”

# QUẢN TRỊ CÔNG TY (TT)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
34	647/QĐ-HĐQT	05/07/2018	Về việc thành lập Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
35	710a/QĐ-HĐQT	20/07/2018	Về các giao dịch tín dụng tại Ngân hàng
36	714/QĐ-HĐQT	23/07/2018	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: “Đầu tư hệ thống chính lưu 20KA/520 VDC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
37	715/QĐ-HĐQT	23/07/2018	Về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật “Cải tạo cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Tân Bình”
38	750/NQ-HĐQT	31/07/2018	Nghị quyết về kỳ họp lần thứ 19, nhiệm kỳ 2014 -2018
39	777/QĐ-HĐQT	07/08/2018	Về việc phê duyệt gia hạn, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư: “Dự án di dời, mở rộng dây chuyền Acid Sunfuric của Hóa chất Tân Bình và Xưởng nghiên cứu Thực nghiệm” (thuộc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2)
40	782/QĐ-HĐQT	08/08/2018	Về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ yêu cầu gói thầu số 02 “Mua sắm phụ tùng thiết bị trao đổi nhiệt” thuộc kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
41	790/NQ-HĐQT	13/08/2018	Nghị quyết về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền
42	823/NQ-HĐQT	21/08/2018	Nghị quyết thông qua đơn từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc của ông Hoàng Minh Đức.
43	862/QĐ-HĐQT	29/08/2018	Về việc thành lập Phòng Đầu tư - Xây dựng
44	885/QĐ-HĐQT	07/09/2018	Về việc phê duyệt thanh lý 02 hạng mục tài sản là Nhà tuyển quặng, cần dẫn nạp liệu thuộc dây chuyền tuyển quặng của Mô Bô-xít Bảo Lộc (Gói 02 - Nhà xưởng, vật kiến trúc)
45	909/QĐ-HĐQT	17/09/2018	Về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Minh Đức
46	990/QĐ-HĐQT	04/10/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài năm 2018 (bổ sung) của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
47	1005/QĐ-HĐQT	08/10/2018	Về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài tại Liên bang Nga đối với ông Nguyễn Hữu Thọ và Ông Lê Phương Đông
48	1083/QĐ-HĐQT	07/11/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài năm 2018 (bổ sung lần 2) của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
49	1089/NQ-HĐQT	08/11/2018	Nghị quyết về việc tạm dừng thoái vốn của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam tại CTCP Phốt pho Việt Nam
50	1104/QĐ-HĐQT	15/11/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài năm 2018 (bổ sung lần 3) của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
51	1105/QĐ-HĐQT	11/15/2018	Về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phòng chuyên môn, Phó trưởng Phòng chuyên môn công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng chuyên môn, Phó trưởng Phòng chuyên môn và Quản đốc tại các đơn vị trực thuộc CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam
52	1109/QĐ-HĐQT	6/27/2018	Nghị quyết về kỳ họp lần thứ 21, nhiệm kỳ 2014 -2018
53	1110/QĐ-HĐQT	11/19/2018	Về việc phê duyệt thanh lý 06 hạng mục tài sản cố định có nguyên giá một đơn vị tài sản từ 01 tỷ đồng trở lên thuộc danh mục thanh lý tài sản còn lại của đợt 2 tại Chi nhánh Tân Bình
54	1132/NQ-HĐQT	11/26/2018	Nghị quyết về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 bằng tiền.
55	1151/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018 (điều chỉnh lần 2)
56	1172/QĐ-HĐQT	12/11/2018	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi lần 2)
57	1181/QĐ-HĐQT	12/12/2018	Về việc phê duyệt dự án: “Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
58	1182/QĐ-HĐQT	12/12/2018	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật “Mua sắm thiết bị lẻ năm 2018 tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Văn phòng Công ty”
59	1183/QĐ-HĐQT	12/12/2018	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật “Mua sắm thiết bị phản ứng PAC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
60	1184/QĐ-HĐQT	12/12/2018	Về việc phê duyệt dự án: “Đầu tư hệ thống chính lưu 20KA/520VDC tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
61	1195/QĐ-HĐQT	12/14/2018	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019
62	1234/QĐ-HĐQT	12/24/2018	Về việc phê duyệt dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị lẻ năm 2017 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
63	1239/QĐ-HĐQT	12/25/2018	Về việc ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 của CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam”
64	1255/QĐ-HĐQT	12/28/2018	Về việc phê duyệt quyết toán Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoàn thành “Cải tạo cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Tân Bình”

**Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Không có

**Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty**

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty:

- Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng.
- Tham gia tập huấn, hội thảo các lớp liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ do Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tổ chức.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY (TT)

## BAN KIỂM SOÁT

### Kiểm soát viên

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu tại CSV	Tỷ lệ sở hữu tại CSV
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS		
2	Lê Tùng Lâm	Thành viên	1.500 cổ phần	0,003%
3	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên		
4	Lê Thúy Mai	Thành viên		

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGD và Cổ đông

Ban kiểm soát hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu. BKS đã đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT theo chức năng và nhiệm vụ của BKS, nắm bắt được tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.
- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành kiểm tra các tờ trình của Ban Tổng Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó Ban kiểm soát có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.

### Hoạt động khác của BKS

- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Đánh giá và kiểm soát các quy trình trọng yếu trong sản xuất kinh doanh của Công ty như: mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư, hàng hóa, thành phẩm và công nợ.
- Phối hợp hoạt động với các phòng ban: Phòng Kế toán – Tài chính, Phòng Nhân sự - Hành chính, Phòng Công nghệ - Thiết bị thực hiện kiểm soát chi phí sản xuất, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, lương, thưởng, chính sách.
- Định kỳ, Hàng quý kiểm soát tình hình tài chính của Công ty thông qua báo cáo tài chính quý được lập theo quy định.

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI HẠN 3 NĂM TRỞ LẠI

Người có liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>				
CTCP Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	7.671.214.841	4.434.509.047
<b>Mua NVL, hàng hóa, tài sản</b>				
CTCP Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	0	10.321.485.116

# QUẢN TRỊ CÔNG TY (TT)

## THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Lương công việc	Thù lao	Thưởng	Tổng
<b>1 Hội đồng quản trị</b>					
1.1	Lê Văn Hùng	572.716.916	96.000.000	419.337.751	1.088.054.667
1.2	Nguyễn Hữu Thọ	498.205.914	72.000.000	396.459.138	966.665.052
1.3	Lê Phương Đông	284.690.975	72.000.000	331.284.175	687.975.150
1.4	Trịnh Hồng Vân	-	72.000.000	27.000.000	99.000.000
1.5	Phan Thanh Bình	-	48.000.000	-	48.000.000
1.6	Bùi Thị Thanh Giang	-	24.000.000	52.000.000	76.000.000
<b>2 Ban kiểm soát</b>					
2.1	Đỗ Thị Thoa	467.773.120	-	124.067.045	591.840.165
2.2	Lê Tùng Lâm	317.134.495	48.000.000	220.082.247	585.216.742
2.3	Nguyễn Thị Minh Hà	-	32.000.000	25.000.000	57.000.000
2.4	Lê Thúy Mai	-	16.000.000	32.000.000	48.000.000
<b>3 Ban điều hành</b>					
3.1	Nguyễn Hữu Thọ	498.205.914	72.000.000	396.459.138	966.665.052
3.2	Nguyễn Hoài Phú	509.903.992	-	201.789.627	711.693.619
3.3	Lê Thanh Bình	522.740.159	-	207.669.582	730.409.741
3.4	Lê Thị Ngọc Diệp	466.482.807	-	151.834.445	618.317.252
3.5	Hoàng Minh Đức	385.775.532	-	139.360.700	525.136.232

### VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có.

## PHẦN VII BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 46

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Phương Đông	Thành viên
Ông Trịnh Hồng Vân	Thành viên
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2018)
Bà Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên (từ nhiệm ngày 19/04/2018)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/09/2018)

#### Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban
Ông Lê Tùng Lâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2018)
Bà Lê Thúy Mai	Ủy viên (từ nhiệm ngày 19/04/2018)

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là Ông Nguyễn Hữu Thọ – Tổng Giám đốc.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho,

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**



Nguyễn Hữu Thọ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2019



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HẰNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 19005/TC-VAE-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác theo Báo cáo kiểm toán số 52/BCKT/TC/2018/AASCS ngày 01/03/2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Huỳnh Văn Dũng**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)**

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

**Âu Dương Uyển Phán**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2018-034-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM  
22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 01 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>883.212.350.657</b>	<b>986.051.895.081</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>169.936.186.689</b>	<b>485.243.734.579</b>
1. Tiền	111			55.936.186.689	85.243.734.579
2. Các khoản tương đương tiền	112			114.000.000.000	400.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			230.000.000.000	100.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>158.600.713.683</b>	<b>197.610.521.927</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.		152.184.749.847	193.905.174.506
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			16.569.597.561	12.160.595.067
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.a		7.936.748.515	8.560.315.894
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.		(18.090.382.240)	(17.015.563.540)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>296.308.557.311</b>	<b>193.630.378.157</b>
1. Hàng tồn kho	141			296.308.557.311	194.061.001.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-	(430.623.657)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>28.366.892.974</b>	<b>9.567.260.418</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.a		1.209.340.700	1.157.170.882
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			26.918.009.448	7.498.170.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.b		239.542.826	911.919.438
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>244.580.660.210</b>	<b>102.774.835.867</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>2.473.131.988</b>	<b>17.681.574.425</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.b		2.473.131.988	17.681.574.425
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>61.980.860.239</b>	<b>74.278.531.797</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.		60.224.888.858	72.420.634.028
- Nguyên giá	222			883.420.903.814	917.586.062.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(823.196.014.956)	(845.165.428.269)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9.		1.755.971.381	1.857.897.769
- Nguyên giá	228			3.313.800.256	3.313.800.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(1.557.828.875)	(1.455.902.487)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>240</b>	<b>V.7.</b>	<b>90.202.046.606</b>	<b>6.473.261.204</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			90.202.046.606	6.473.261.204
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		<b>89.924.621.377</b>	<b>4.341.468.441</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.b		89.924.621.377	4.341.468.441
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>270</b>		<b>1.127.793.010.867</b>	<b>1.088.826.730.948</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>285.376.358.757</b>	<b>269.956.117.399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>238.256.915.945</b>	<b>263.934.523.387</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	85.251.561.372	31.483.281.190
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.381.434.114	698.355.552
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.a	9.579.747.090	20.746.467.619
4. Phải trả người lao động	314		41.057.200.420	48.426.725.664
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	3.301.363.909	3.604.910.259
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	1.968.219.948	9.279.736.130
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	50.078.403.015	118.705.181.578
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17.	8.647.248.811	12.771.138.679
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.991.737.266	18.218.726.716
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.119.442.812</b>	<b>6.021.594.012</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	47.119.442.812	6.021.594.012
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>842.416.652.110</b>	<b>818.870.613.549</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>842.416.652.110</b>	<b>818.870.613.549</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.506.484	9.506.484
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.951.530.000	22.951.530.000
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		192.207.914.549	116.925.568.549
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.949.121.722	11.949.121.722
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		175.705.619.135	225.476.054.767
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.114.428.700	29.286.570.576
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		143.591.190.435	196.189.484.191
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.006.153.498	24.972.025.305
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.127.793.010.867</b>	<b>1.088.826.730.948</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

  
Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

  
Lê Thị Ngọc Diệp

Tổng Giám đốc

  
  
Nguyễn Hữu Thọ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.588.026.545.984	1.465.857.350.493
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.588.026.545.984</b>	<b>1.465.857.350.493</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.164.530.331.065	1.049.885.438.094
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>423.496.214.919</b>	<b>415.971.912.399</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	27.016.152.491	24.292.091.003
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	5.896.567.853	4.355.604.378
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.486.748.062	3.860.389.887
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	71.404.414.641	73.656.120.900
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	65.079.155.717	51.730.604.048
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>308.132.229.199</b>	<b>310.521.674.076</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	13.201.774.200	853.091.050
13. Chi phí khác	32	VI.6.	2.796.449.927	3.124.773.922
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>10.405.324.273</b>	<b>(2.271.682.872)</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>318.537.553.472</b>	<b>308.249.991.204</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	64.282.069.523	62.456.502.570
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>254.255.483.949</b>	<b>245.793.488.634</b>
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		252.391.190.435	240.235.301.283
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.864.293.514	5.558.187.351
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	5.245	4.971

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

  
Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

  
Lê Thị Ngọc Diệp

Tổng Giám đốc

  
  
Nguyễn Hữu Thọ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		318.537.553.472	308.249.991.204
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		25.519.931.090	40.799.474.813
- Các khoản dự phòng	03		(3.479.694.825)	(15.005.364.634)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(62.139.514)	149.410.232
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.360.565.999)	(23.455.207.987)
- Chi phí lãi vay	06		5.486.748.062	3.860.389.887
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		318.641.832.286	314.598.693.515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		34.886.693.937	6.591.319.377
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(102.247.555.497)	31.331.872.745
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39.152.619.238	(29.249.821.759)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(85.622.908.800)	(20.221.870)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.588.168.788)	(3.862.628.503)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(69.170.146.988)	(53.811.957.030)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.730.000	20.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.152.761.450)	(11.923.796.866)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>106.911.333.938</b>	<b>253.673.459.609</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(97.507.802.769)	(20.122.981.618)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.371.818.180	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(280.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		150.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.054.780.960	21.554.291.320
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(200.081.203.629)</b>	<b>(98.568.690.298)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		589.626.494.193	345.316.104.053
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(617.234.813.676)	(377.570.539.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(194.527.734.492)	(120.680.613.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(222.136.053.975)</b>	<b>(152.935.048.599)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(315.305.923.666)</b>	<b>2.169.720.712</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		485.243.734.579	483.083.735.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.624.224)	(9.721.488)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.I.</b>	<b>169.936.186.689</b>	<b>485.243.734.579</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hằng



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Hữu Thọ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446260 thay đổi lần thứ 9 ngày 05/02/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 442.000.000.000 VND

Trong đó Nhà nước góp 287.310.000.000 VND, chiếm 65,00 %.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CSV.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất và kinh doanh hóa chất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngày 18/06/2018, Công ty đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về ngành nghề kinh doanh như sau

- Sản xuất hóa chất cơ bản

Chi tiết: sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại TP. Hồ Chí Minh)

- Sản xuất máy chuyên dụng khác

Chi tiết:

Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở);

Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp nước thải công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở)

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ

(không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh)

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn

Chi tiết: sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại, sửa chữa và bảo dưỡng đường ống, sửa chữa hàng cơ động

- Sửa chữa máy móc, thiết bị

Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan; sửa chữa van, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe

- Sửa chữa thiết bị điện

Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt, sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyên đổi; sửa chữa và bảo dưỡng các rơ le và bộ điều khiển công nghiệp; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại

Chi tiết: sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá

Chi tiết: sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật

Chi tiết: các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác

Trụ sở Công ty tại: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

##### Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loong, Thị trấn Tăng Loong, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng

- Tỷ lệ vốn góp: 65,05%

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,05%

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,05%

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là không quá 3 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 2. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là không quá 3 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 2. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TM nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TM nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TM nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TM nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chi tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**

**8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa, bổ sung một số điều của TT45/2016/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 12

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa, bổ sung một số điều của TT45/2016/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, phần mềm máy vi tính, và TSCĐ vô hình khác

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Phần mềm máy vi tính	03 - 10
TSCĐ vô hình khác	03 - 10

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí của dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa, dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350 và dự án đầu tư hệ thống chỉnh lưu 20KA/520VDC, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, phí sử dụng hạ tầng KCN Nhơn Trạch, thuế GTGT không được khấu trừ và các khoản chi phí khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Phí sử dụng hạ tầng khu đất thuê tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 37 năm.

Thuế GTGT không được khấu trừ tương ứng với hàng tồn kho tại thời điểm lập báo cáo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

**12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và các công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Lào Cai.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí vận chuyển, chi phí thuê văn phòng, thuê kho, chi phí lãi vay phải trả, và các chi phí khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng phải trả tiền thuê đất, và dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của Thông tư 86/2016/TT/BTC ngày 20/06/2016 của Bộ Tài chính.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá (hóa chất), và cung cấp dịch vụ gia công, dịch vụ vận chuyển.

**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% và 10% đối với các lô hàng hàng khác.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>1.111.211.734</b>	<b>1.639.767.578</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>54.824.974.955</b>	<b>83.603.967.001</b>
Tiền gửi VND	54.467.840.278	60.026.399.345
Tiền gửi ngoại tệ (USD và EUR)	357.134.677	23.577.567.656
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>114.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>
Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	40.000.000.000	170.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	50.000.000.000	180.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	20.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Lào Cai	4.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>169.936.186.689</b>	<b>485.243.734.579</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	230.000.000.000	230.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	30.000.000.000	30.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TPHCM	200.000.000.000	200.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,8%/năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>152.184.749.847</b>	<b>(18.090.382.240)</b>	<b>193.905.174.506</b>	<b>(17.015.563.540)</b>
<b>a1) Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</b>	<b>126.747.239.627</b>	<b>(2.053.150.290)</b>	<b>118.566.044.812</b>	<b>(1.920.661.850)</b>
Công ty Ajinomoto Việt Nam	14.540.408.522	-	11.005.408.152	-
Công ty CP Vận Tải Và Dịch Vụ Thương Mại Supe Lâm Thao	6.146.427.100	-	7.302.465.350	-
Công ty CP Hóa chất Và Môi trường An Phú	11.040.142.100	-	1.354.993.200	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Aureole Mitani	6.610.758.550	-	7.678.957.770	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	7.504.346.800	-	2.529.733.800	-
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	13.188.418.760	-	17.483.757.170	-
Các đối tượng khác	67.716.737.795	(2.053.150.290)	71.210.729.370	(1.920.661.850)
<b>a2) Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</b>	<b>25.437.510.220</b>	<b>(16.037.231.950)</b>	<b>75.339.129.694</b>	<b>(15.094.901.690)</b>
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	-	5.417.851.544	-
Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd	18.102.397.150	(16.037.231.950)	24.359.888.550	(15.094.901.690)
Remy Gmbh & Co.KG	-	-	12.219.104.000	-
Chemical Initiatives (PTY) Ltd	-	-	29.778.624.000	-
Sandeep Organics Private Limited	2.669.539.950	-	-	-
Bongsan Co.Ltd	1.288.992.000	-	-	-
Hindustan Phosphates PVT Ltd	3.220.953.120	-	-	-
Đối tượng khác	155.628.000	-	3.563.661.600	-
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan:</b>				
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2				

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**4. Phải thu khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>7.936.748.515</b>	-	<b>8.560.315.894</b>	-
Bảo hiểm xã hội	4.337.672	-	30.296.964	-
Tạm ứng	147.476.159	-	48.169.000	-
Ký cược, ký quỹ	19.500.000	-	131.500.000	-
Phải thu về dự lãi tiền gửi	4.308.821.917	-	3.818.097.223	-
Phải thu khác	3.456.612.767	-	4.532.252.707	-
b) <b>Dài hạn</b>	<b>2.473.131.988</b>	-	<b>17.681.574.425</b>	-
Ký cược, ký quỹ	2.473.131.988	-	17.681.574.425	-
<b>Cộng</b>	<b>10.409.880.503</b>	-	<b>26.241.890.319</b>	-

**5. Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty CP Quốc tế JBI Chem Cà Mau (*)	187.420.000	-	187.420.000	-
Công ty TNHH TM - DV & SX Casanova (*)	180.000.000	-	180.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Tư vấn Đầu tư Thiên Lộc (*)	9.919.800	-	9.919.800	-
DNTN Tân Trường An (*)	612.162.100	-	612.162.100	-
Công ty TNHH Phúc An Yên Bình (*)	1.077.385.950	-	1.077.385.950	-
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (*)	80.524.880	-	-	-
Kunming Taijin Commercial & Trade Co., Ltd.	18.102.397.150	2.065.165.200	24.359.888.550	9.264.986.860
<b>Cộng</b>	<b>20.249.809.880</b>	-	<b>26.426.776.400</b>	-

(\*) Tại ngày 31/12/2018, không có thông tin về giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	37.361.306.234	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	177.960.291.807	-	148.539.517.489	(119.449.499)
Công cụ, dụng cụ	2.458.880.590	-	2.233.814.392	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.289.487.504	-	953.451.774	-
Thành phẩm	63.678.753.536	-	42.334.218.159	(311.174.158)
Hàng hoá	193.491.960	-	-	-
Hàng gửi đi bán	10.366.345.680	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>296.308.557.311</b>	-	<b>194.061.001.814</b>	<b>(430.623.657)</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 430.623.657 VND do Công ty đã bán thanh lý thành phẩm bị giảm giá và tiêu thụ được nguyên vật liệu mất phẩm chất.

**7. Tài sản dở dang dài hạn**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	90.202.046.606	590.000.000
- Dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa	60.000.000	60.000.000
- Dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350	90.050.228.424	530.000.000
- Dự án đầu tư hệ thống chính lưu 20KA/520VDC	91.818.182	-
Chi phí sửa chữa lớn	-	5.883.261.204
<b>Cộng</b>	<b>90.202.046.606</b>	<b>6.473.261.204</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					<b>Tổng cộng</b>
Số dư ngày 01/01/2018	195.375.571.595	689.931.855.718	26.071.548.288	6.207.086.696	917.586.062.297
Mua trong năm	445.850.000	445.850.000	-	113.725.454	559.575.454
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.559.993.459	9.094.548.454	-	1.564.900.000	13.219.441.913
Thanh lý, nhượng bán	(387.530.000)	(36.480.786.914)	(2.039.797.240)	(1.352.109.397)	(40.260.223.551)
Giảm khác	(7.683.952.299)	-	-	-	(7.683.952.299)
Số dư ngày 31/12/2018	189.864.082.755	662.991.467.258	24.031.751.048	6.533.602.753	883.420.903.814
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2018	180.739.324.764	638.645.585.875	20.370.701.087	5.409.816.543	845.165.428.269
Khấu hao trong năm	4.130.586.698	18.743.664.173	2.048.070.313	495.683.518	25.418.004.702
Thanh lý, nhượng bán	(387.530.000)	(36.480.786.914)	(2.039.797.240)	(1.306.307.314)	(40.214.421.468)
Giảm khác	(7.172.996.547)	-	-	-	(7.172.996.547)
Số dư ngày 31/12/2018	177.309.384.915	620.908.463.134	20.378.974.160	4.599.192.747	823.196.014.956
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2018	14.636.246.831	51.286.269.843	5.700.847.201	797.270.153	72.420.634.028
Tại ngày 31/12/2018	12.554.697.840	42.083.004.124	3.652.776.888	1.934.410.006	60.224.888.858

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.717.178.099 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 21.275.036.217 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 715.621.132.960 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 701.574.638.676 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TCSĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2018	1.755.971.381	557.828.875	1.000.000.000	3.313.800.256	
Mua trong năm	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2018	1.755.971.381	557.828.875	1.000.000.000	3.313.800.256	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2018	-	539.235.820	916.666.667	1.455.902.487	
Khấu hao trong năm	-	18.593.055	83.333.333	101.926.388	
Số dư ngày 31/12/2018	-	557.828.875	1.000.000.000	1.557.828.875	
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2018	1.755.971.381	18.593.055	83.333.333	1.857.897.769	
Tại ngày 31/12/2018	1.755.971.381	-	-	1.755.971.381	

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết là 1.557.828.875 VND, trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 557.828.875 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 436.128.875 VND).
- Tài sản cố định vô hình khác là quyền khai thác mỏ tại Mỏ Boxit Lâm Đồng với nguyên giá là 1.000.000.000 VND đã hết thời hạn khai thác.

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.209.340.700</b>	<b>1.157.170.882</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	151.132.336	-
Chi phí lãi vay	12.413.954	-
Chi phí bảo hiểm	975.774.410	936.515.390
Các khoản khác	70.020.000	220.655.492
<b>b) Dài hạn</b>	<b>89.924.621.377</b>	<b>4.341.468.441</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	860.941.563	629.967.200
Phần mềm vi tính	744.812.000	515.035.750
Chi phí bảo hiểm	12.174.833	48.699.333
Chi phí sửa chữa lớn	1.363.222.374	2.988.474.247
Chất xúc tác	637.939.130	-
Phí sử dụng hạ tầng KCN Nhơn Trạch	86.303.743.784	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.787.693	159.291.911
<b>Cộng</b>	<b>91.133.962.077</b>	<b>5.498.639.323</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>85.251.561.372</b>	<b>85.251.561.372</b>	<b>31.483.281.190</b>	<b>31.483.281.190</b>
<i>Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</i>	<i>48.779.275.295</i>	<i>48.779.275.295</i>	<i>8.637.213.194</i>	<i>8.637.213.194</i>
Công ty CP Phân bón Miền Nam	1.242.186.000	1.242.186.000	-	-
Franco Pacific Petroleum Co., Ltd.	1.272.268.325	1.272.268.325	-	-
Thyssenkrupp Uhde Chlorine Engineers (Italia) S.R.L	2.760.519.400	2.760.519.400	-	-
Công ty TNHH Thanh Hà Vina	1.159.033.502	1.159.033.502	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thủy Long	1.335.307.990	1.335.307.990	-	-
Công ty Ajinomoto Việt Nam	-	-	660.000.000	660.000.000
Hợp tác xã Vận tải Số 9	-	-	1.318.374.814	1.318.374.814
Rankers International Pvt. Ltd.	28.732.541.600	28.732.541.600	-	-
Đối tượng khác	12.277.418.478	12.277.418.478	6.658.838.380	6.658.838.380
<i>Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</i>	<i>36.472.286.077</i>	<i>36.472.286.077</i>	<i>22.846.067.996</i>	<i>22.846.067.996</i>
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	31.425.535.436	31.425.535.436	11.189.678.496	11.189.678.496
Hekou Longtong Import & Export Co.,Ltd	-	-	6.945.123.050	6.945.123.050
Công ty TNHH Sản xuất và XNK Bao bì	1.003.860.000	1.003.860.000	273.400.000	273.400.000
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vận Phúc	565.825.439	565.825.439	1.250.570.050	1.250.570.050
Các đối tượng khác	3.477.065.202	3.477.065.202	3.187.296.400	3.187.296.400
<b>Cộng</b>	<b>85.251.561.372</b>	<b>85.251.561.372</b>	<b>31.483.281.190</b>	<b>31.483.281.190</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan:**

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT phải nộp	3.765.470.817	57.818.084.434	61.314.867.433	<b>268.687.818</b>
Thuế GTGT hàng nhập	-	26.577.583.042	26.577.583.042	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	23.720.623.406	23.720.623.406	-
Thuế TNDN (*)	13.662.664.276	64.282.069.523	69.170.146.988	<b>8.774.586.811</b>
Thuế TNCN	1.709.582.758	7.209.315.963	8.382.426.260	<b>536.472.461</b>
Thuế tài nguyên	-	84.667.705	84.667.705	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.222.942.628	5.222.942.628	-
Các loại thuế khác	1.608.749.768	526.917.886	2.135.667.654	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	254.673.253	254.673.253	-
<b>Cộng</b>	<b>20.746.467.619</b>	<b>185.696.877.840</b>	<b>196.863.598.369</b>	<b>9.579.747.090</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT	53.859.514	295.329.799	241.470.285	-
Thuế xuất nhập khẩu	307.486.368	12.721.445.331	12.413.958.963	-
Thuế TNCN	550.573.556	2.732.786.467	2.421.755.737	<b>239.542.826</b>
<b>Cộng</b>	<b>911.919.438</b>	<b>15.749.561.597</b>	<b>15.077.184.985</b>	<b>239.542.826</b>

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

(\*) Trong số phải nộp thuế TNDN có 16.295.254 đồng là khoản phải nộp thuế TNDN bị truy thu theo Quyết định thanh tra số 4654/QĐ-CT ngày 17/10/2018 của Cục thuế tỉnh Lào Cai.

**13. Phải trả người lao động**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả người lao động	41.057.200.420	48.426.725.664
<b>Cộng</b>	<b>41.057.200.420</b>	<b>48.426.725.664</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.301.363.909</b>	<b>3.604.910.259</b>
<i>Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</i>	<i>727.065.364</i>	<i>754.549.805</i>
Chi phí lãi vay phải trả	159.977.939	144.286.406
Trích trước chi phí vận chuyển	237.600.000	271.790.900
Trích trước tiền thuê tài sản	109.090.909	218.181.816
Trích trước chi phí kiểm toán	170.000.000	65.000.000
Trích trước chi phí khác	50.396.516	55.290.683
<i>Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</i>	<i>2.574.298.545</i>	<i>2.850.360.454</i>
Chi phí lãi vay	7.645.753	25.369.302
Chi phí tiền điện	2.412.901.440	2.799.991.152
Chi phí hoa hồng xuất khẩu	64.171.800	-
Phí kiểm toán	88.000.000	25.000.000
Chi phí tiền điện thoại	1.579.552	-
<b>Cộng</b>	<b>3.301.363.909</b>	<b>3.604.910.259</b>

**15. Phải trả khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	580.158.638	507.965.092
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	237.353.775	187.339.591
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	595.449.208	389.237.107
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	359.241.096	5.591.572.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	196.017.231	2.603.622.140
<b>Cộng</b>	<b>1.968.219.948</b>	<b>9.279.736.130</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM  
22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018 VND		31/12/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong kỳ VND	Giá trị
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>118.705.181.578</b>	<b>118.705.181.578</b>	<b>548.528.645.393</b>	<b>617.155.423.956</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>117.199.781.578</i>	<i>117.199.781.578</i>	<i>546.019.645.393</i>	<i>615.148.223.956</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (1)	53.519.567.541	53.519.567.541	173.870.543.610	211.925.636.151
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM (2)	30.526.181.797	30.526.181.797	108.542.673.469	126.481.960.286
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Lào Cai (3)	-	-	26.308.861.033	20.638.987.123
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lào Cai	16.315.807.320	16.315.807.320	216.526.926.547	232.842.733.867
Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Lào Cai (4)	12.503.062.970	12.503.062.970	17.247.237.960	18.977.800.845
Vay đối tượng khác (5)	4.335.161.950	4.335.161.950	3.523.402.774	4.281.105.684
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.505.400.000</b>	<b>1.505.400.000</b>	<b>2.509.000.000</b>	<b>2.007.200.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (6)	1.505.400.000	1.505.400.000	2.509.000.000	2.007.200.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>6.021.594.012</b>	<b>6.021.594.012</b>	<b>43.606.848.800</b>	<b>2.509.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (6)	6.021.594.012	6.021.594.012	43.606.848.800	2.509.000.000
<b>Cộng</b>	<b>124.726.775.590</b>	<b>124.726.775.590</b>	<b>592.135.494.193</b>	<b>619.664.423.956</b>
				<b>97.197.845.827</b>
				<b>47.119.442.812</b>
				<b>47.119.442.812</b>
				<b>2.007.200.000</b>
				<b>2.007.200.000</b>
				<b>10.772.500.085</b>
				<b>3.577.459.040</b>
				<b>5.669.873.910</b>
				<b>12.586.894.980</b>
				<b>15.464.475.000</b>
				<b>48.071.203.015</b>
				<b>50.078.403.015</b>

Mẫu số B 09 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/93332/HĐTD ngày 25/10/2018.
- Hạn mức cấp tín dụng: 250.000.000.000 VND (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
  - Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
  - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2019
  - Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.
  - Tài sản đảm bảo:  
Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2014/93332/HĐTC ngày 21/02/2014 được ký giữa Công ty và Ngân hàng (Dự án đầu tư Bồn chứa hóa chất nguyên liệu và thành phẩm tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa).
  - Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/2010/HĐ-9332 ngày 24/11/2010 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐ-9332-PL01 ngày 19/08/2013 được ký giữa Công ty với Ngân hàng (Dự án mở rộng kho bồn chứa hóa chất Gò Dầu A lên 10.000m<sup>3</sup>).
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/93332-HĐTC ngày 10/05/2013 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/93332/SĐBS ngày 13/11/2018 được ký giữa Công ty với Ngân hàng (Dự án xút NaOH 30.000 tấn tại Nhà máy HC Biên Hòa - Đồng Nai).
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/93332/HĐBĐ ngày 12/06/2018 được ký giữa Công ty và Ngân hàng (Dự án Thiết bị lò nung 2015 và Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2).
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 18.3090091/2018-HĐCVHM/NHCT900-HCCBMN ngày 07/11/2018.
- Hạn mức cho vay: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng)
  - Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 07/11/2018 đến hết ngày 31/10/2019
  - Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất
  - Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 (sáu) tháng
  - Lãi suất cho vay: là Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất
  - Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có đảm bảo bằng tài sản.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Lào Cai theo hợp đồng cấp tín dụng số 18KH/DN-ĐB/HĐK 488 ngày 23/05/2018 và hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số 18/KH/DN-ĐB/HĐCKHM 488 ngày 23/05/2018 hiệu lực tới ngày 23/05/2019
- Giới hạn tín dụng là 15.000.000.000 VND
  - Mục đích sử dụng khoản vay bổ sung vốn lưu động
  - Lãi suất quy định cụ thể từng lần chiết khấu; đồng tiền giải ngân là VND hoặc USD
  - Tài sản đảm bảo của khoản vay là hợp đồng tiền gửi kỳ hạn
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Lào Cai theo hợp đồng cấp tín dụng số 20869.18.737.1920288.TD ngày 27/06/2018
- Hạn mức cấp tín dụng 30.000.000.000 VND
  - Mục đích sử dụng khoản vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh phốt pho vàng
  - Lãi suất quy định từng lần nhận nợ theo kế ước; đồng tiền giải ngân là VND hoặc USD
  - Thời hạn tối đa của các khoản tín dụng là 6 tháng
  - Tài sản đảm bảo cho khoản vay là hàng tồn kho luân chuyển, hợp đồng tiền gửi, ký quỹ, phương tiện máy móc... quy định cụ thể tại hợp đồng bảo đảm giữa ngân hàng và công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (5) Khoản vay các đối tượng khác theo các giấy xác nhận huy động vốn với lãi suất là 5,5%/năm, kỳ hạn 03 tháng.
- (6) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả và khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo 02 hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 03/2016/93332/HĐTD ngày 07/06/2016
- Số tiền vay: 10.060.000.000 VND
  - Mục đích vay: đầu tư mua sắm thiết bị lò nung 2015 và Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
  - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên
  - Thời hạn rút vốn: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Kỳ hạn trả nợ: thanh toán nợ gốc theo lịch trả nợ quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2016/93332/HĐTD/PL.02 ngày 20/10/2017.
  - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2018: 5.519.794.012 VND
- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/93332/HĐTD ngày 06/06/2016
- Số tiền vay: 86.600.000.000 VND
  - Mục đích vay: Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai.
  - Thời hạn rút vốn: 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Thời hạn ân hạn khoản vay: 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ tương lai số 01/2016/93332/HĐBĐ ngày 06/06/2016 và các Hợp đồng /Phụ lục hợp đồng phát sinh sau này.
  - Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2018: 43.606.848.800 VND

**17. Dự phòng phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng phải trả tiền thuê đất (*)	6.972.870.711	11.378.211.401
Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	1.674.378.100	1.392.927.278
<b>Cộng</b>	<b>8.647.248.811</b>	<b>12.771.138.679</b>

(\*) Tổng Công ty Sonadezi đã gửi công văn số 732/SNZ-KT ngày 27/09/2017 về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất tại khu công nghiệp Biên Hòa I. Theo đó, Tổng Công ty Sonadezi và Công ty sẽ ký kết phụ lục hợp đồng nhằm xác định khoản tiền thuê đất phải thanh toán theo đơn giá mới từ 01/01/2006 đến thời hạn di dời theo quy định. Tổng số tiền thuê đất truy thu theo đơn giá mới từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 11.378.211.401 VND. Trong năm 2018, Công ty đã thanh toán 4.404.843.092 VND và hoàn nhập dự phòng với giá trị 497.598 VND.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty và Tổng Công ty Sonadezi vẫn chưa ký kết phụ lục hợp đồng mới điều chỉnh đơn giá thuê đất giai đoạn 2006 - 2013. Do đó, Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận khoản phải trả.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán của Công ty là 142.488.671 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 868.600 VND). Khoản tiền này không được sử dụng để chia lãi cho các cổ đông.

**18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	287.310.000.000
Vietnam Investment Property Holdings Limited	30.378.940.000	32.267.740.000
Các cổ đông khác	124.311.060.000	122.422.260.000
<b>Cộng</b>	<b>442.000.000.000</b>	<b>442.000.000.000</b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>442.000.000.000</b>	<b>442.000.000.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	442.000.000.000	442.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	442.000.000.000	442.000.000.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>185.640.000.000</b>	<b>114.920.000.000</b>

**18.4 Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	44.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	44.200.000	44.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.200.000	44.200.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	44.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.200.000	44.200.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu**

**18.5 Cổ tức**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	185.640.000.000	114.920.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM  
22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số dư tại ngày 01/01/2017	Số dư tại ngày 31/12/2017	Số dư tại ngày 31/12/2018
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	442.000.000.000	442.000.000.000
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (quỹ đầu tư phát triển)	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-
Thù lao Ban điều hành	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	9.506.484	9.506.484
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (quỹ đầu tư phát triển)	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000

Đơn vị tính: VND

Tổng cộng

682.569.134.042

240.235.301.283

166.971.736.770

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

240.235.301.283

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18.6 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
Quỹ đầu tư phát triển	116.925.568.549	75.282.346.000	-	192.207.914.549
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.949.121.722	-	-	11.949.121.722
<b>Cộng</b>	<b>128.874.690.271</b>	<b>75.282.346.000</b>	<b>-</b>	<b>204.157.036.271</b>

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2018	01/01/2018
USD	14.417,59	1.031.998,29
EUR	884,38	6.695,28

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.454.436.857.010	1.342.675.499.448
Doanh thu bán hàng hóa	127.337.270.833	113.171.714.332
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.252.418.141	10.010.136.713
<b>Cộng</b>	<b>1.588.026.545.984</b>	<b>1.465.857.350.493</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan:**  
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.066.677.134.812	971.664.837.252
Giá vốn của hàng hóa đã bán	94.882.107.005	94.501.831.854
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.493.559.697	4.240.747.054
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(430.623.657)	(17.305.851.563)
Các khoản điều chỉnh giá vốn hàng bán	(4.091.846.792)	(3.216.126.503)
<b>Cộng</b>	<b>1.164.530.331.065</b>	<b>1.049.885.438.094</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.545.505.654	23.455.207.987
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.328.158.166	836.014.416
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	142.488.671	868.600
<b>Cộng</b>	<b>27.016.152.491</b>	<b>24.292.091.003</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	5.486.748.062	3.860.389.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	329.470.634	495.214.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	80.349.157	-
<b>Cộng</b>	<b>5.896.567.853</b>	<b>4.355.604.378</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ thu hồi phế liệu	459.926.925	662.695.616
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	18.831.648	187.395.434
Bồi thường giải phóng mặt bằng tại chi nhánh và nhà máy Biên Hòa	9.807.691.758	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	2.815.060.345	-
Thu nhập khác	100.263.524	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.201.774.200</b>	<b>853.091.050</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	418.207.213	2.761.495.155
Tiền thuế GTGT không đủ điều kiện khấu trừ	1.308.109.644	-
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	406.552.649	129.679.675
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	612.724.920	-
Chi phí khác	50.855.501	233.599.092
<b>Cộng</b>	<b>2.796.449.927</b>	<b>3.124.773.922</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>71.404.414.641</b>	<b>73.656.120.900</b>
Chi phí nhân viên	3.784.395.988	3.540.222.843
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	5.219.874.344	2.397.952.971
Chi phí khấu hao TSCĐ	754.523.828	4.003.906.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.953.356.908	55.765.935.092
Chi phí bằng tiền khác	4.692.263.573	7.948.103.991
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>65.079.155.717</b>	<b>51.730.604.048</b>
Chi phí nhân viên quản lý	22.845.101.535	18.396.538.646
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.876.799.463	1.032.375.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.665.133.320	2.603.542.374
Thuế, phí và lệ phí	6.903.915.168	8.521.479.070
Chi phí dự phòng	3.620.653.870	11.809.305.211
Hoàn nhập dự phòng	(2.546.332.768)	(10.528.438.734)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.851.147.268	6.303.954.046
Chi phí bằng tiền khác	15.862.737.861	13.591.847.889
<b>Cộng</b>	<b>136.483.570.358</b>	<b>125.386.724.948</b>

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.131.514.608	432.319.563.887
Chi phí nhân công	179.877.345.834	166.627.036.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.519.931.090	40.799.474.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	341.159.421.872	314.615.749.004
Chi phí bằng tiền khác	145.722.691.303	116.462.430.273
<b>Cộng</b>	<b>1.225.410.904.707</b>	<b>1.070.824.254.149</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	64.282.069.523	62.456.502.570
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>64.282.069.523</b>	<b>62.456.502.570</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	252.391.190.435	240.235.301.283
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(20.542.488.671)	(20.514.042.000)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(20.542.488.671)	(20.514.042.000)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(20.400.000.000)	(20.514.042.000)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(142.488.671)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	231.848.701.764	219.721.259.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	5.245	4.971

(\*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Công ty.

Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là số liệu theo tờ trình được Tổng Giám đốc duyệt ngày 07/01/2019.

(\*\*) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Năm 2017 Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2017 Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	240.235.301.283		240.235.301.283
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.578.174.287	1.935.867.713	20.514.042.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000		44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.015		4.971

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:**

	Năm 2018 VND
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng	(1.624.224)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay ngoại tệ	(79.389.720)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải thu khách hàng	(140.806.875)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải trả người bán	142.010.851
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải trả khác	1.142.607

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**2. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	589.626.494.193	345.316.104.053

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	617.234.813.676	377.570.539.652

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Bột giặt NET	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Bột giặt LIX	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	Thành viên cùng Tập đoàn

**b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Bột giặt NET	42.169.785.000	35.584.072.380
Công ty CP Bột giặt LIX	7.882.861.500	4.789.885.000
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	18.912.165.900	16.755.066.700
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	9.419.553.400	9.821.631.700
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	16.350.000	21.400.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Mua hàng**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.373.809.091	1.347.627.272
Công ty CP Phân bón Miền Nam	1.129.260.000	924.371.618
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	61.033.500	79.526.000
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	1.603.800.000	-

**Trả cổ tức**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	120.670.200.000	74.698.000.000
----------------------------	-----------------	----------------

**c) Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	325.218.300	1.746.149.020
Công ty CP Bột giặt NET	3.475.445.710	6.960.125.155
Công ty CP Bột giặt LIX	1.393.196.750	527.815.200
Công ty CP Pin - Acquy Miền Nam	2.207.169.580	2.272.596.330

**Phải trả người bán**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	229.200.000
Công ty CP Phân bón Miền Nam	1.242.186.000	-
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn	8.898.450	-
Công ty CP Hóa chất Việt Trì	588.060.000	-

**d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	6.098.815.684	5.498.212.209
<b>Cộng</b>	<b>6.098.815.684</b>	<b>5.498.212.209</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

**a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp hóa chất và kinh doanh sản phẩm hóa chất. Các thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả kinh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là liên quan đến hoạt động sản xuất chính của Công ty.

**b) Bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018**

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	1.037.194.660.961	132.405.493.184	(41.807.143.278)	1.127.793.010.867
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>1.037.194.660.961</b>	<b>132.405.493.184</b>	<b>(41.807.143.278)</b>	<b>1.127.793.010.867</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	218.792.274.990	66.584.083.767	-	285.376.358.757
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>218.792.274.990</b>	<b>66.584.083.767</b>	<b>-</b>	<b>285.376.358.757</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2018**

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	984.662.178.178	156.201.520.848	(52.036.968.078)	1.088.826.730.948
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>984.662.178.178</b>	<b>156.201.520.848</b>	<b>(52.036.968.078)</b>	<b>1.088.826.730.948</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	195.430.258.731	84.755.683.468	(10.229.824.800)	269.956.117.399
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>195.430.258.731</b>	<b>84.755.683.468</b>	<b>(10.229.824.800)</b>	<b>269.956.117.399</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.238.080.313.668	357.617.447.157	(7.671.214.841)	1.588.026.545.984
Doanh thu hoạt động tài chính	31.419.673.257	2.399.312.726	(6.802.833.492)	27.016.152.491
Chi phí SXKD	962.965.229.696	351.616.454.421	(7.671.214.841)	1.306.910.469.276
- Giá vốn hàng bán	847.368.591.381	324.832.954.525	(7.671.214.841)	1.164.530.331.065
- Chi phí tài chính	4.800.248.376	1.096.319.477	-	5.896.567.853
- Chi phí bán hàng	60.080.665.777	11.323.748.864	-	71.404.414.641
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.715.724.162	14.363.431.555	-	65.079.155.717
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>306.534.757.229</b>	<b>8.400.305.462</b>	<b>(6.802.833.492)</b>	<b>308.132.229.199</b>
<b>Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Lợi nhuận khác	11.645.102.649	(1.239.778.376)	-	10.405.324.273
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>318.179.859.878</b>	<b>7.160.527.086</b>	<b>(6.802.833.492)</b>	<b>318.537.553.472</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.095.915.249.273	384.698.095.383	(14.755.994.163)	1.465.857.350.493
Doanh thu hoạt động tài chính	43.583.485.485	1.758.437.318	(21.049.831.800)	24.292.091.003
Chi phí SXKD	827.643.620.732	366.740.140.851	(14.755.994.163)	1.179.627.767.420
- Giá vốn hàng bán	715.502.783.391	349.138.648.866	(14.755.994.163)	1.049.885.438.094
- Chi phí tài chính	3.362.355.672	993.248.706	-	4.355.604.378
- Chi phí bán hàng	60.471.659.830	13.184.461.070	-	73.656.120.900
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.306.821.839	3.423.782.209	-	51.730.604.048
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>311.855.114.026</b>	<b>19.716.391.850</b>	<b>(21.049.831.800)</b>	<b>310.521.674.076</b>
<b>Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Lợi nhuận khác	(2.527.432.635)	255.749.763	-	(2.271.682.872)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>309.327.681.391</b>	<b>19.972.141.613</b>	<b>(21.049.831.800)</b>	<b>308.249.991.204</b>

**4. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Công nợ tài chính**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản vay	97.197.845.827	124.726.775.590
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	169.936.186.689	485.243.734.579
Nợ thuần	(72.738.340.862)	(360.516.958.989)
Vốn chủ sở hữu	842.416.652.110	818.870.613.549
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.936.186.689	485.243.734.579
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.504.248.110	220.147.064.825
Các khoản đầu tư tài chính	230.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>544.440.434.799</b>	<b>805.390.799.404</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	97.197.845.827	124.726.775.590
Phải trả người bán và phải trả khác	87.219.781.320	40.763.017.320
Chi phí phải trả	3.301.363.909	3.604.910.259
<b>Cộng</b>	<b>187.718.991.056</b>	<b>169.094.703.169</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đô la Mỹ (USD)	45.379.178.462	28.892.697.125	25.615.660.421	96.089.168.722
Euro (EUR)	4.032.787.725	-	23.356.476	180.879.684

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác		87.219.781.320	-	87.219.781.320
Chi phí phải trả		3.301.363.909	-	3.301.363.909
Các khoản vay		50.078.403.015	47.119.442.812	97.197.845.827



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	40.763.017.320	-	40.763.017.320
Chi phí phải trả	3.604.910.259	-	3.604.910.259
Các khoản vay	118.705.181.578	6.021.594.012	124.726.775.590

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.936.186.689	-	169.936.186.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.031.116.122	2.473.131.988	144.504.248.110
Các khoản đầu tư tài chính	230.000.000.000	-	230.000.000.000

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	485.243.734.579	-	485.243.734.579
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.465.490.400	17.681.574.425	220.147.064.825
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	-	100.000.000.000

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp

Nguyễn Hữu Thọ



TP. HCM, Ngày 08 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỌ